BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 1

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
VŨ KIM BẢNG - TRỊNH CẨM LAN - CHU THỊ PHƯƠNG
TRẦN KIM PHƯỢNG - ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TIẾNG VIỆT 1

(Tái bản lần thứ sáu)

TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

1	**TÔI VÀ CÁC BẠN**	**Trang**
Bài 1	Tôi là học sinh lớp 1	4
Bài 2	Đôi tai xấu xí	8
Bài 3	Bạn của gió	12
Bài 4	Giải thưởng tình bạn	14
Bài 5	Sinh nhật của voi con	18
	Ôn tập	22
2	**MÁI ẤM GIA ĐÌNH**	
Bài 1	Nụ hôn trên bàn tay	24
Bài 2	Làm anh	28
Bài 3	Cả nhà đi chơi núi	30
Bài 4	Quạt cho bà ngủ	34
Bài 5	Bữa cơm gia đình	36
Bài 6	Ngôi nhà	40
	Ôn tập	42
3	**MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**	
Bài 1	Tôi đi học	44
Bài 2	Đi học	48
Bài 3	Hoa yêu thương	50
Bài 4	Cây bàng và lớp học	54
Bài 5	Bác trống trường	56
Bài 6	Giờ ra chơi	60
	Ôn tập	62
4	**ĐIỀU EM CẦN BIẾT**	
Bài 1	Rửa tay trước khi ăn	64
Bài 2	Lời chào đi trước	68
Bài 3	Khi mẹ vắng nhà	70
Bài 4	Nếu không may bị lạc	74
Bài 5	Đèn giao thông	78
	Ôn tập	82
5	**BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG**	
Bài 1	Kiến và chim bồ câu	84
Bài 2	Câu chuyện của rễ	88

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 3	Câu hỏi của sói	90
Bài 4	Chú bé chăn cừu	94
Bài 5	Tiếng vọng của núi	98
	Ôn tập	102
6	**THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**	
Bài 1	Loài chim của biển cả	104
Bài 2	Bảy sắc cầu vồng	108
Bài 3	Chúa tể rừng xanh	110
Bài 4	Cuộc thi tài năng rừng xanh	114
Bài 5	Cây liễu dẻo dai	118
	Ôn tập	122
7	**THẾ GIỚI TRONG MẮT EM**	
Bài 1	Tia nắng đi đâu?	124
Bài 2	Trong giấc mơ buổi sáng	126
Bài 3	Ngày mới bắt đầu	128
Bài 4	Hỏi mẹ	132
Bài 5	Những cánh cò	134
Bài 6	Buổi trưa hè	138
Bài 7	Hoa phượng	140
	Ôn tập	142
8	**ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI**	
Bài 1	Cậu bé thông minh	144
Bài 2	Lính cứu hoả	148
Bài 3	Lớn lên bạn làm gì?	152
Bài 4	Ruộng bậc thang ở Sa Pa	154
Bài 5	Nhớ ơn	156
Bài 6	Du lịch biển Việt Nam	158
	Ôn tập	162
	ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ	
Ôn tập	Bài 1	164
	Bài 2	168
	Bài 3	170
Đánh giá cuối năm học		172
	MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH	175

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1

TÔI VÀ CÁC BẠN

Bài 1 TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 1

1 **Từ khi đi học, em thích và không thích những gì?**



2 **Đọc**

Tôi là học sinh lớp 1

Tôi tên là Nam, học sinh lớp 1A, Trường Tiểu học Lê Quý Đôn. Ngày đầu đi học, mặc bộ đồng phục của trường, tôi hãnh diện lắm.

Hồi đầu năm học, tôi mới học chữ cái. Thế mà bây giờ, tôi đã đọc được truyện tranh. Tôi còn biết làm toán nữa. Tôi có thêm nhiều bạn mới.

Ai cũng bảo từ khi đi học, tôi chững chạc hẳn lên.

(Trung Sơn)

Từ ngữ: *đồng phục, hãnh diện, chững chạc*



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Trả lời câu hỏi

a. Bạn Nam học lớp mấy?

b. Hồi đầu năm, Nam học gì?

c. Bây giờ, Nam biết làm gì?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3

Nam học (…).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

bổ ích	mới	hãnh diện

Nam rất (…) khi được cô giáo khen.

6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh



đá bóng

đọc sách





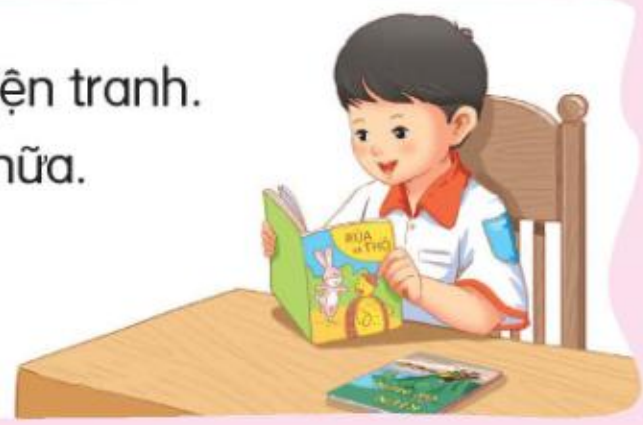
kéo co

múa



7 Nghe viết

Nam đã đọc được truyện tranh.
Nam còn biết làm toán nữa.



NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

8 **Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa**

a. *s* hay *x*? học ❀inh ❀inh đẹp ❀ách vở

b. *tr* hay *ch*? ❀anh ảnh ❀ữ cái vui ❀ơi

9 **Chọn ý phù hợp để nói về bản thân**

Từ khi đi học lớp 1, em:

- Thức dậy sớm hơn
- Ăn sáng nhanh hơn
- Không khóc nhè
- Không ngóng bố mẹ đón về
- Thuộc thêm nhiều bài thơ
- Có thêm nhiều bạn



Bài 2

ĐÔI TAI XẤU XÍ

1 **Quan sát tranh và nói về điểm đặc biệt của mỗi con vật trong tranh**







2 **Đọc**

Đôi tai xấu xí

Thỏ có đôi tai dài và to. Bị bạn bè chê, thỏ buồn lắm. Thỏ bố động viên: "Rồi con sẽ thấy tai mình rất đẹp".

Một lần, thỏ và các bạn đi chơi xa, quên khuấy đường về. Ai cũng hoảng sợ. Thỏ chợt dỏng tai: "Suỵt! Có tiếng bố tớ gọi". Cả nhóm đi theo hướng có tiếng gọi. Tất cả về được tới nhà. Các bạn tấm tắc khen tai thỏ thật tuyệt.

Từ đó, thỏ không còn buồn vì đôi tai nữa.



(Theo *Kể chuyện cho bé mầm non*)

- Vần: *uây, oang, uyt*
- Từ ngữ: *động viên, quên khuấy, suỵt, tấm tắc*

3 Trả lời câu hỏi

a. Vì sao thỏ buồn?

b. Chuyện gì xảy ra trong lần thỏ và các bạn đi chơi xa?

c. Nhờ đâu mà cả nhóm tìm được đường về nhà?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

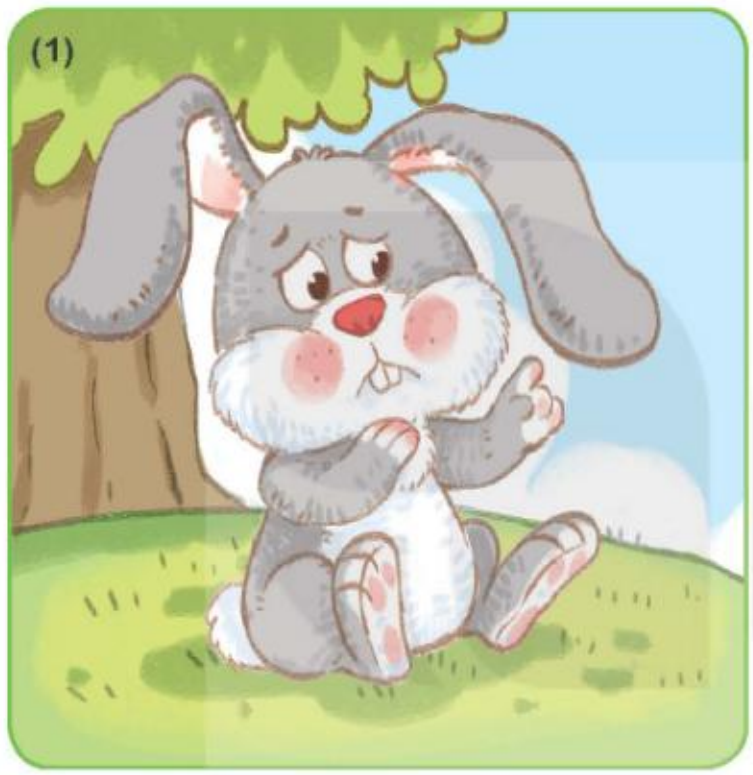
Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

chạy nhanh	dỏng tai	thính tai

Chú mèo (...) nghe tiếng chít chít của lũ chuột.

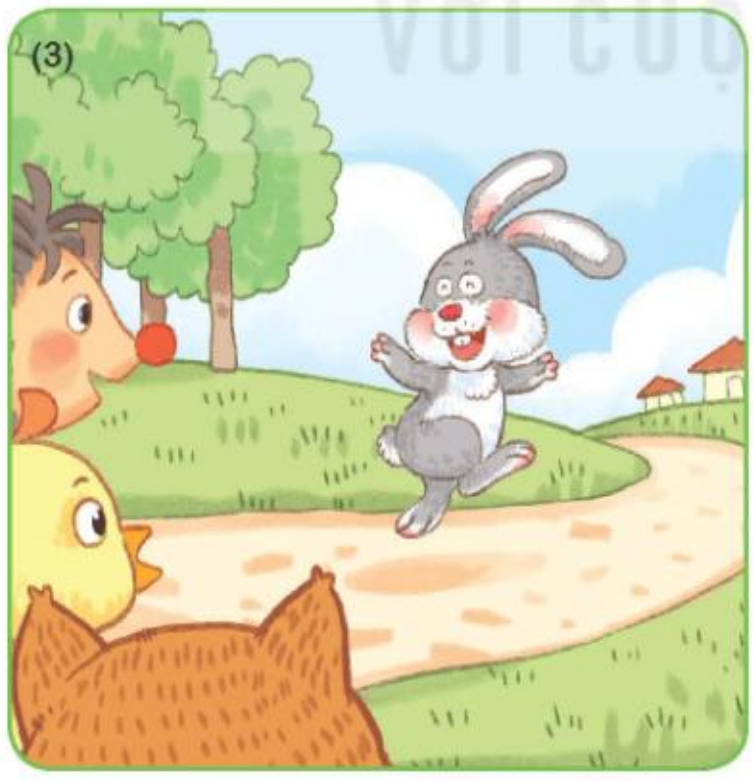
6 **Quan sát tranh và kể lại câu chuyện *Đôi tai xấu xí***



Thỏ có (...)



Một lần (...)



Cả nhóm đi (...)



Từ đó (...)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

7 Nghe viết

Các bạn cùng thỏ đi theo hướng
có tiếng gọi. Cả nhóm về được nhà.



8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Đôi tai xấu xí* từ ngữ có tiếng chứa vần *uyt, it, uyêt, iêt*

9 Vẽ con vật em yêu thích và đặt tên cho bức tranh em vẽ



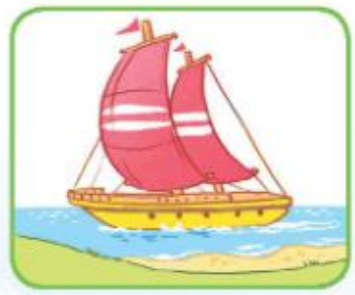
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 3

BẠN CỦA GIÓ

1 Quan sát tranh





a. Tranh vẽ những vật gì?

b. Nhờ đâu mà những vật đó có thể chuyển động?

2 Đọc

Bạn của gió

Ai là bạn gió?
Mà gió đi tìm
Bay theo cánh chim
Lùa trong tán lá…

Gió nhớ bạn quá
Nên gõ cửa hoài
Đẩy sóng dâng cao
Thổi căng buồm lớn.

Khi gió đi vắng
Lá buồn lặng im
Vắng cả cánh chim
Chẳng ai gõ cửa.

Sóng ngủ trong nước
Buồm chẳng ra khơi
Ai gọi: Gió ơi
Trong vòm lá biếc.

(Ngân Hà)




Từ ngữ: *lùa, hoài, vòm lá, biếc*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 **Tìm trong hai khổ thơ cuối những tiếng cùng vần với nhau**

vắng ~ chẳng

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Ở khổ thơ thứ nhất, gió đã làm gì để tìm bạn?

b. Gió làm gì khi nhớ bạn?

c. Điều gì xảy ra khi gió đi vắng?

5 **Học thuộc lòng một khổ thơ em thích**

6 **Trò chơi** ***Tìm bạn cho gió***



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN

1 **Quan sát tranh và nói về những gì em thấy trong tranh**



2 **Đọc**

Giải thưởng tình bạn

Nai và hoẵng tham dự một cuộc chạy đua. Trước vạch xuất phát, nai và hoẵng xoạc chân lấy đà. Sau khi trọng tài ra hiệu, hai bạn lao như tên bắn. Cả hai luôn ở vị trí dẫn đầu. Bỗng nhiên, hoẵng vấp phải một hòn đá rồi ngã oạch. Nai vội dừng lại, đỡ hoẵng đứng dậy.



Nai và hoẵng về đích cuối cùng. Nhưng cả hai đều được tặng giải thưởng tình bạn.

(Lâm Anh)

- Vần: *oăng, oac, oach*
- Từ ngữ: *vạch xuất phát, lấy đà, trọng tài, ngã oạch*

3 Trả lời câu hỏi

a. Đôi bạn trong câu chuyện là ai?

b. Vì sao hoẵng bị ngã?

c. Khi hoẵng ngã, nai đã làm gì?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

Khi hoẵng ngã, nai (...).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

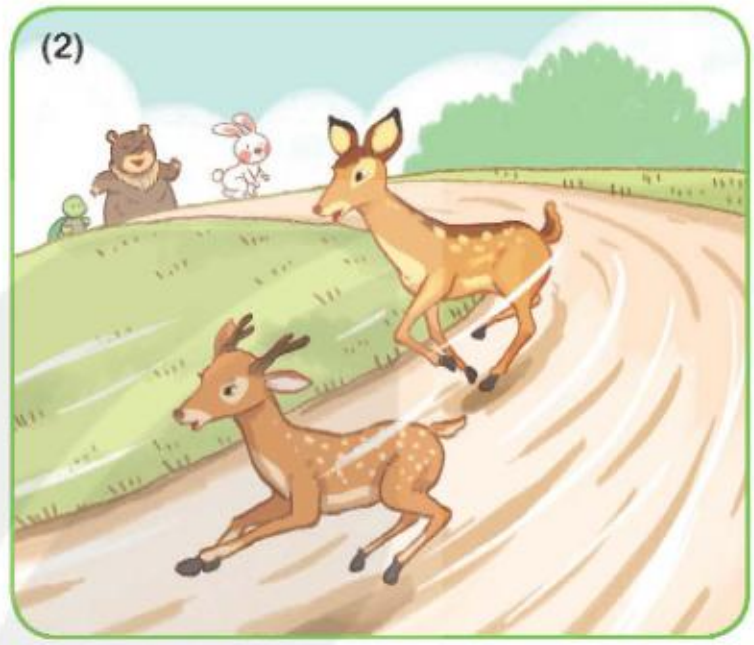
đi lại	xoạc	đứng dậy

Khi học múa, em phải tập (…) chân.

6 Quan sát tranh và kể lại câu chuyện *Giải thưởng tình bạn*



Nai và hoẵng tham dự (...)



Cả hai luôn (...)



Bỗng nhiên (...)



Nai và hoẵng về đích (...)

7 Nghe viết

Nai và hoẵng về đích cuối cùng. Nhưng cả hai đều được tặng giải thưởng.



8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *ươc* hay *ươt* ? b□ đi n□ suối r□ đuổi

b. *inh* hay *in* ? t□ tức đội h□ v□ dự

9 Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh



cùng học

cùng ăn





cùng chơi

cùng vẽ



Bài 5

SINH NHẬT CỦA VOI CON

1 Quan sát tranh và nói về từng con vật trong tranh



2 Đọc

Sinh nhật của voi con



Hôm nay là sinh nhật của voi con, nhưng nó bị ốm. Đang buồn bã, bỗng voi con nghe tiếng gọi. Thì ra các bạn đến chúc mừng

sinh nhật voi. Thỏ trắng mang cà rốt. Gấu đen ngoạm nguyên một nải chuối. Khỉ vàng và sóc nâu tặng voi tiết mục "ngúc ngoắc đuôi". Vẹt mỏ khoằm thay mặt các bạn nói những lời chúc tốt đẹp.

Voi con vui ơi là vui. Nó huơ vòi mấy vòng để cảm ơn các bạn.

(Lâm Anh)

- Vần: *oam, oăc, oăm, ươ*
- Từ ngữ: *ngoạm, tiết mục, ngúc ngoắc, mỏ khoằm, huơ vòi*

3 Trả lời câu hỏi

a. Những bạn nào đến mừng sinh nhật voi con?

b. Voi con làm gì để cảm ơn các bạn?

c. Sinh nhật của voi con như thế nào?

4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3

Voi con (…) để cảm ơn các bạn.



5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

tốt đẹp	vui	buồn bã

Vân rất (…) vì được đi chơi cùng các bạn.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

chơi đùa	gấu	hát	sinh nhật





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

7 Nghe viết

Các bạn chúc mừng sinh nhật voi con.
Nó huơ vòi cảm ơn các bạn.



8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Sinh nhật của voi con* từ ngữ có tiếng chứa vần *oăc, oac, uơ*

9 Nói lời chúc mừng sinh nhật một người bạn của em



ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *oac, oăc, oam, oăm, uơ, oach, oăng***

oăm

oac

oach

oăc

oam

uơ

oăng

2 **Nam nhờ chim bồ câu gửi thư làm quen một người bạn. Em hãy giúp Nam chọn từ ngữ phù hợp để Nam giới thiệu mình nhé.**



dậy sớm

học sinh lớp 1A

truyện tranh

bạn mới

tập thể dục

xem phim

Trường Tiểu học Lê Quý Đôn



3 **Tìm ở dưới đây những từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè**

thân thiết

đọc sách

gần gũi

đá bóng

quý mến

khoẻ mạnh

thông minh

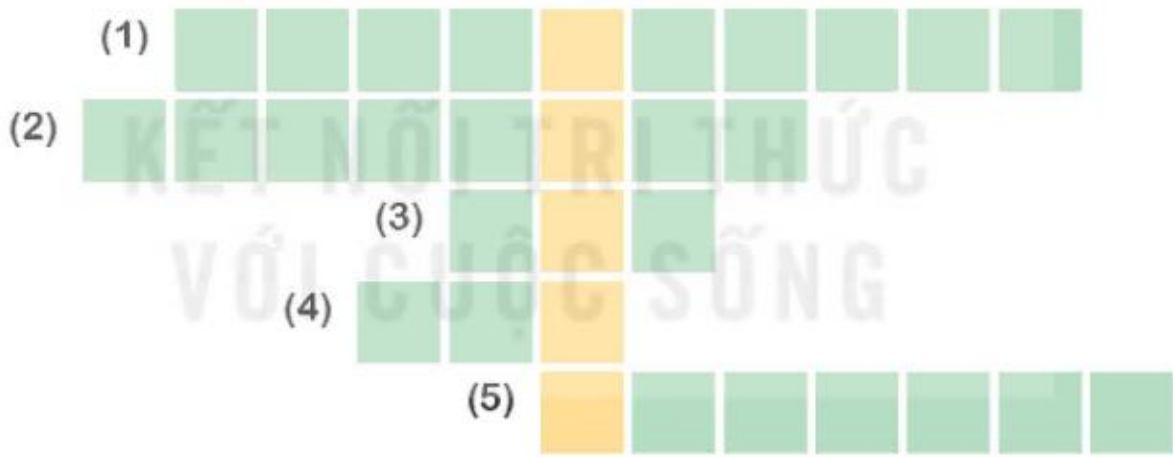
4 Nói về một người bạn của em



5 Giải ô chữ để biết tên một người bạn của Hà

a. Dựa vào gợi ý ở dưới, tìm ô chữ hàng ngang.

b. Đọc tên người bạn của Hà ở hàng dọc màu vàng.



(1) Về đích cuối cùng, nhưng nai và hoẵng đều được nhận (…) tình bạn.

(2) Voi con bị ốm vào đúng dịp (…) của mình.

(3) Thỏ có đôi tai (…).

(4) *Ai là* (…) *gió?*
Mà gió đi tìm.

(5) Nam là (…) lớp 1A, Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2

MÁI ẤM GIA ĐÌNH

Bài 1 NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY

1 **Nói về những gì em quan sát được trong tranh**



2 **Đọc**

Nụ hôn trên bàn tay

Ngày đầu đi học, Nam hồi hộp lắm. Mẹ nhẹ nhàng đặt một nụ hôn vào bàn tay Nam và dặn:

– Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má. Mẹ lúc nào cũng ở bên con.

Nam cảm thấy thật ấm áp. Cậu im lặng rồi đột nhiên mỉm cười:

– Mẹ đưa tay cho con nào!

Nam đặt một nụ hôn vào bàn tay mẹ rồi thủ thỉ:

– Bây giờ thì mẹ cũng có nụ hôn trên bàn tay rồi. Con yêu mẹ!

Nam chào mẹ và tung tăng bước vào lớp.

(*Theo* Au-đrây Pen, *Nụ hôn trên bàn tay,* Đỗ Nhật Nam *dịch*)

Từ ngữ: *hồi hộp, nhẹ nhàng, thủ thỉ, tung tăng*



3 Trả lời câu hỏi

a. Ngày đầu đi học, Nam thế nào?

b. Mẹ dặn Nam điều gì?

c. Sau khi chào mẹ, Nam làm gì?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3**

Ngày đầu đi học, Nam (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

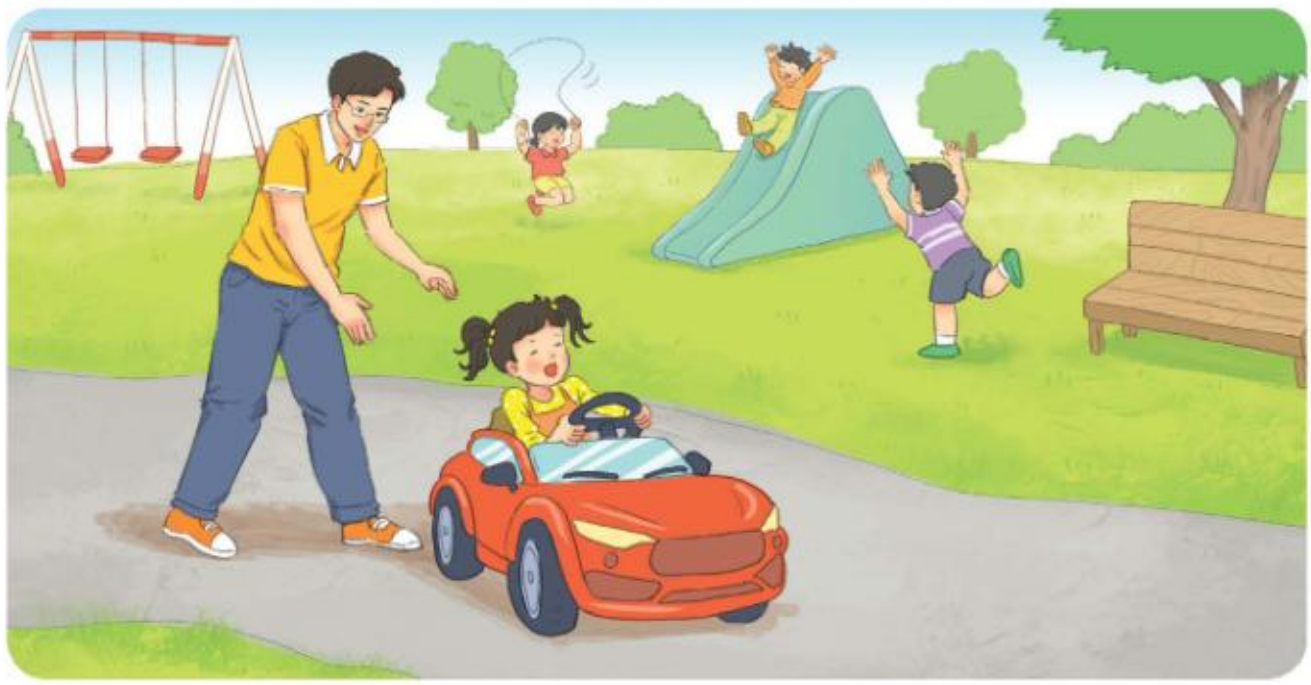
mỉm cười	lo lắng	thủ thỉ

Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất (...).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

chăm sóc	ốm	ô tô điện	công viên





7 Nghe viết

Mẹ nhẹ nhàng đặt nụ hôn vào bàn tay Nam.
Nam thấy thật ấm áp.



8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. *n* hay *l*? iềm vui o lắng òng mẹ

b. *c* hay *k*? mẹ on ỉ niệm ì diệu

9 Hát một bài hát về mẹ



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

LÀM ANH

1 Quan sát tranh



Em thử đoán xem:

a. Người em nói gì với anh?

b. Người anh nói gì với em?

c. Tình cảm của người anh đối với em như thế nào?

2 Đọc

Làm anh

(1) Làm anh khó đấy
Phải đâu chuyện đùa
Với em gái bé
Phải "người lớn" cơ.

(2) Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé ngã
Anh nâng dịu dàng.

(3) Mẹ cho quà bánh
Chia em phần hơn
Có đồ chơi đẹp
Cũng nhường em luôn.

(4) Làm anh thật khó
Nhưng mà thật vui
Ai yêu em bé
Thì làm được thôi.

(Phan Thị Thanh Nhàn)

Từ ngữ: *dỗ dành, dịu dàng*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 **Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng *bánh, đẹp, vui***

vui ~ núi

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Làm anh thì cần làm những gì cho em?

b. Theo em, làm anh dễ hay khó?

c. Em thích làm anh hay làm em? Vì sao?



5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối**

6 **Kể về anh, chị hoặc em của em**

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



Bài 3

CẢ NHÀ ĐI CHƠI NÚI

1 **Quan sát tranh một gia đình đang đi biển**



a. Gia đình trong tranh gồm những ai?

b. Họ có vui không? Vì sao em biết?

2 **Đọc**

Cả nhà đi chơi núi

Bố mẹ cho Nam và Đức đi chơi núi. Hôm trước, mẹ thức khuya để chuẩn bị quần áo, thức ăn, nước uống và cả tuýp thuốc chống côn trùng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hôm sau, khi mặt trời lên, cả nhà đã tới chân núi. Nam và Đức thích thú, đuổi nhau huỳnh huych. Càng lên cao, đường càng dốc và khúc khuỷu, bố phải cõng Đức. Thỉnh thoảng, mẹ lau mồ hôi cho hai anh em.

Lúc lên đến đỉnh núi, hai anh em vui sướng hét vang.

(Lâm Anh)

- Vần: *uya, uyp, uynh, uych, uyu*
- Từ ngữ: *tuýp thuốc, côn trùng, huỳnh huych, khúc khuỷu*

3 Trả lời câu hỏi

a. Nam và Đức được bố mẹ cho đi đâu?

b. Mẹ chuẩn bị những gì cho chuyến đi?

c. Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải làm gì?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3**

Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải (…).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

thấp khúc khuỷu hào hứng

Đường lên núi quanh co, (…).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

cảnh vật thú vị đi chơi



7 Nghe viết

Nam và Đức được đi chơi núi. Đến đỉnh núi, hai anh em vui sướng hét vang.



8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *uyp* hay *uyu* ?

đèn t□

kh□ tay

b. *uynh* hay *uych* ?

h□ tay

phụ h□

9 Kể về một lần em được đi chơi cùng gia đình



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

QUẠT CHO BÀ NGỦ

1 Quan sát tranh

a. Em thấy cảnh gì trong tranh?

b. Khi người thân bị ốm, em thường làm gì?



2 Đọc

Quạt cho bà ngủ

(1) Ơi chích choè ơi!
Chim đừng hót nữa,
Bà em ốm rồi,
Lặng cho bà ngủ.

(2) Bàn tay bé nhỏ
Vẫy quạt thật đều
Ngấn nắng thiu thiu
Đậu trên tường trắng.

(3) Căn nhà đã vắng
Cốc chén lặng im
Đôi mắt lim dim
Ngủ ngon bà nhé.

(4) Hoa cam, hoa khế
Chín lặng trong vườn,
Bà mơ tay cháu
Quạt đầy hương thơm.

(Thạch Quỳ)

Từ ngữ: *ngấn nắng, thiu thiu, lim dim*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 **Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng *trắng, vườn, thơm***

trắng ~ nắng

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Vì sao bạn nhỏ không muốn chích choè hót nữa?

b. Bạn nhỏ làm gì trong lúc bà ngủ?

c. Em nghĩ gì về bạn nhỏ trong bài thơ?

5 **Học thuộc lòng khổ thơ thứ hai và thứ ba**

6 **Hát một bài hát về tình cảm bà cháu**



Bài 5

BỮA CƠM GIA ĐÌNH

1 **Nói những gì em quan sát được trong tranh**



2 **Đọc**

Bữa cơm gia đình

Thấy mẹ đi chợ về, Chi hỏi:

– Sao mẹ mua nhiều đồ ăn thế ạ?

– Đố con hôm nay là ngày gì?

Chi chạy lại xem lịch:

– A, ngày 28 tháng 6, ngày Gia đình Việt Nam.

– Đúng rồi. Vì thế, hôm nay nhà mình liên hoan con ạ.

Chi vui lắm. Em nhặt rau giúp mẹ. Bố dọn nhà, rửa xoong nồi, cốc chén. Ông bà trông em bé để mẹ nấu ăn. Cả nhà quây quần bên nhau. Bữa cơm thật tuyệt. Chi thích ngày nào cũng là ngày Gia đình Việt Nam.

(Châu Anh)

- Vần: *oong*
- Từ ngữ: *liên hoan, quây quần*



3 Trả lời câu hỏi

a. Ngày Gia đình Việt Nam là ngày nào?

b. Vào ngày này, gia đình Chi làm gì?

c. Theo em, vì sao Chi rất vui?

4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3

Vào ngày này, gia đình Chi (...).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

liên hoan quây quần gặp

Buổi tối, gia đình em thường (…) bên nhau.

6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

đọc tập xe đạp cùng





7 Nghe viết

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ngày nghỉ lễ, gia đình Chi quây quần bên nhau. Chi thích ngày nào cũng vậy.



8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. *gi* hay *d*? đôi ❀ày nuôi ❀ưỡng tờ ❀ấy

b. *ng* hay *ngh*? ❀ày lễ ❀e nhạc ❀ỉ ngơi

9 Trò chơi *Cây gia đình*

Gắn thẻ từ chỉ người thân trong gia đình lên "Cây gia đình".



Bài 6

NGÔI NHÀ

1 Giải câu đố

Cái gì để tránh nắng mưa
Đêm được an giấc, từ xưa vẫn cần?
(*Là gì?*)











2 Đọc

Ngôi nhà

Em yêu nhà em
Hàng xoan trước ngõ
Hoa xao xuyến nở
Như mây từng chùm.

Em yêu tiếng chim
Đầu hồi lảnh lót
Mái vàng thơm phức
Rạ đầy sân phơi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



Em yêu ngôi nhà
Gỗ, tre mộc mạc
Như yêu đất nước
Bốn mùa chim ca.

(Tô Hà)

Từ ngữ: *xao xuyến, đầu hồi, lảnh lót, mái vàng, rạ, mộc mạc*

3 **Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng *chùm, phơi, nước***

chùm ~ cụm

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Trước ngõ nhà của bạn nhỏ có gì?

b. Tiếng chim hót ở đầu hồi như thế nào?

c. Câu thơ nào nói về hình ảnh mái nhà?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu**

6 **Vẽ ngôi nhà mà em yêu thích và đặt tên cho bức tranh em vẽ**

ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *uya, uây, uyp, uynh, uych, uyu, oong***



2 **Tìm ở dưới đây những từ ngữ chỉ người thân trong gia đình**



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Nói về gia đình em

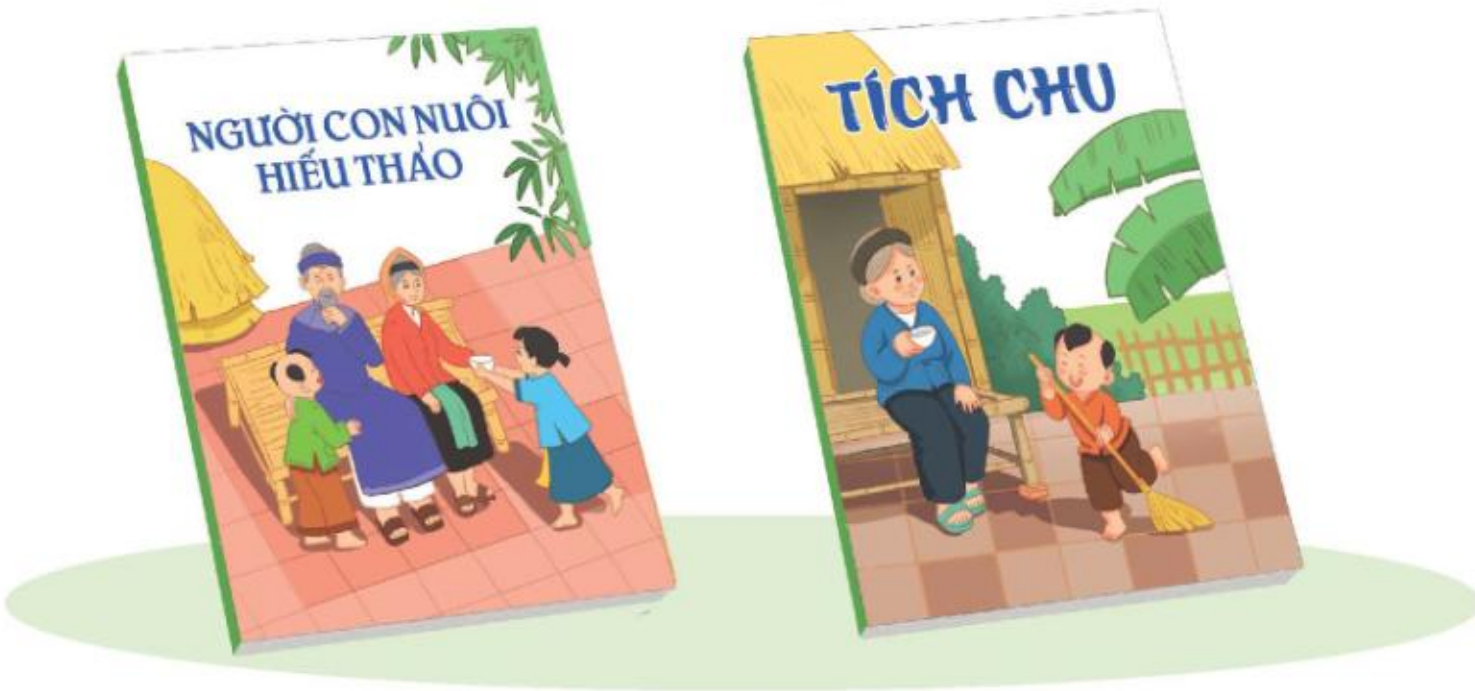


4 Viết 1 – 2 câu về gia đình em

5 Đọc mở rộng

a. Tìm đọc một bài thơ hoặc một câu chuyện về gia đình.

b. Nói với bạn về nội dung em đã đọc.



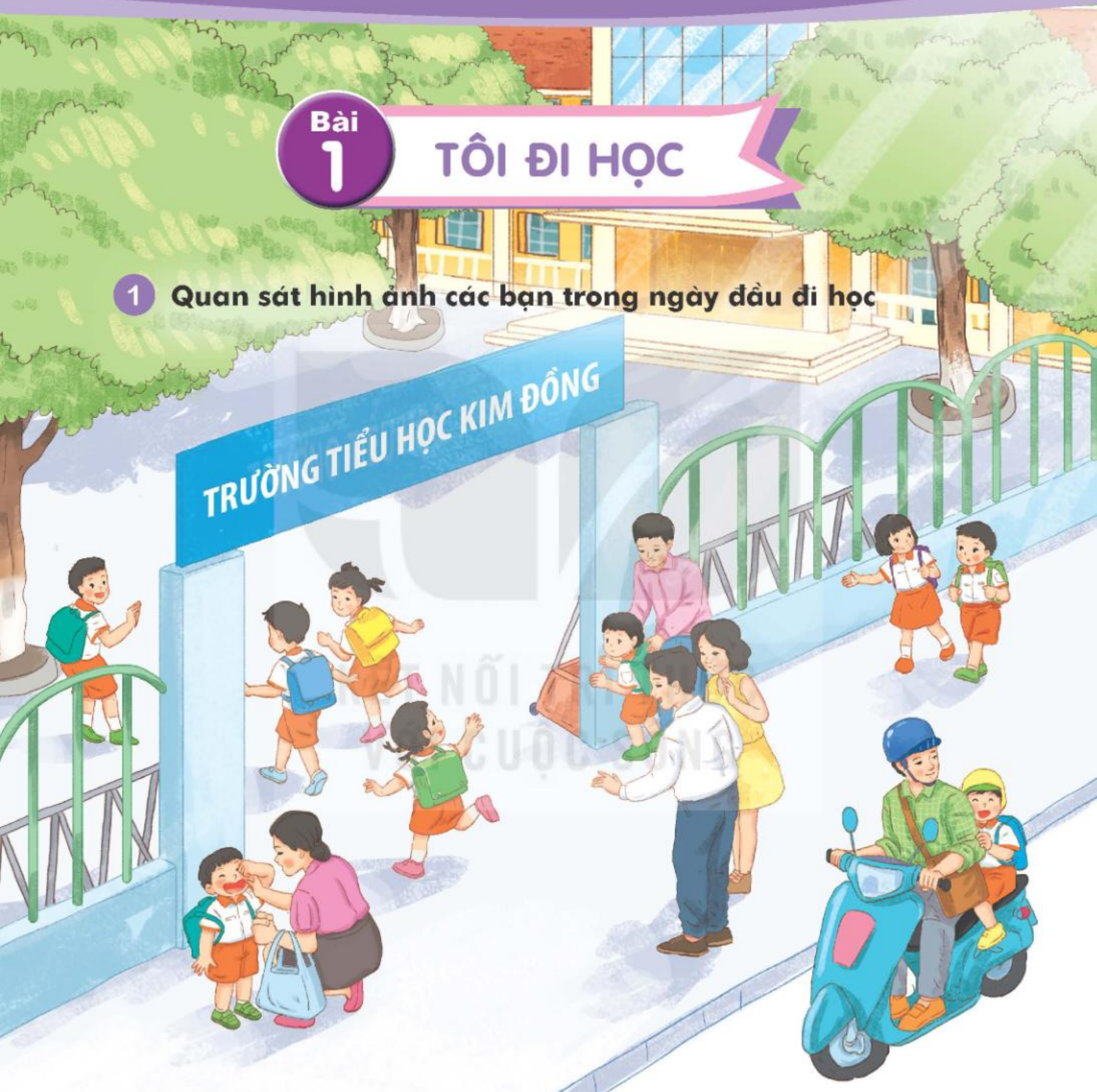
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3

MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU

Bài 1 TÔI ĐI HỌC

1 **Quan sát hình ảnh các bạn trong ngày đầu đi học**



a. Hình ảnh bạn nào giống với em trong ngày đầu đi học?

b. Ngày đầu đi học của em có gì đáng nhớ?

2 Đọc

Tôi đi học

(Trích)

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này, tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(Thanh Tịnh)

- Vần: *yêm*
- Từ ngữ: *buổi mai, âu yếm, nao nức, mơn man*



3 Trả lời câu hỏi

a. Cứ vào cuối thu, bạn nhỏ trong bài đọc nhớ kỉ niệm gì?

b. Hôm đó, ai dẫn bạn nhỏ đến trường?

c. Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh ra sao?

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3**

Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

buổi mai âu yếm xa lạ

Cô giáo (...) nhìn các bạn chơi ở sân trường.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

đông vui thân thiện sôi nổi





7 Nghe viết

Mẹ dẫn tôi đi trên con đường làng dài và hẹp.
Con đường tôi đã đi lại nhiều mà sao thấy lạ.



8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Tôi đi học* từ ngữ có tiếng chứa vần *ương, ươn, ai, ay*

9 Hát một bài hát về ngày đầu đi học



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2 ĐI HỌC

1 Quan sát tranh các bạn nhỏ đang trên đường tới trường

a. Các bạn trông như thế nào khi đi học?

b. Nói về cảm xúc của em sau mỗi ngày đi học.



2 Đọc

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đi học

(1) Hôm qua em tới trường
Mẹ dắt tay từng bước
Hôm nay mẹ lên nương
Một mình em tới lớp.

(2) Trường của em be bé
Nằm lặng giữa rừng cây
Cô giáo em tre trẻ
Dạy em hát rất hay.

(3) Hương rừng thơm đồi vắng
Nước suối trong thầm thì...
Cọ xoè ô che nắng
Râm mát đường em đi.

(Hoàng Minh Chính)

Từ ngữ: *nương, thầm thì*

3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**

trường ~ nương

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Vì sao hôm nay bạn nhỏ đi học một mình?

b. Trường của bạn nhỏ có đặc điểm gì?

c. Cảnh trên đường đến trường có gì?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu**

6 **Hát một bài hát về thầy cô**



Bài 3 HOA YÊU THƯƠNG

1 Quan sát tranh



a. Nói về việc làm của cô giáo trong tranh.

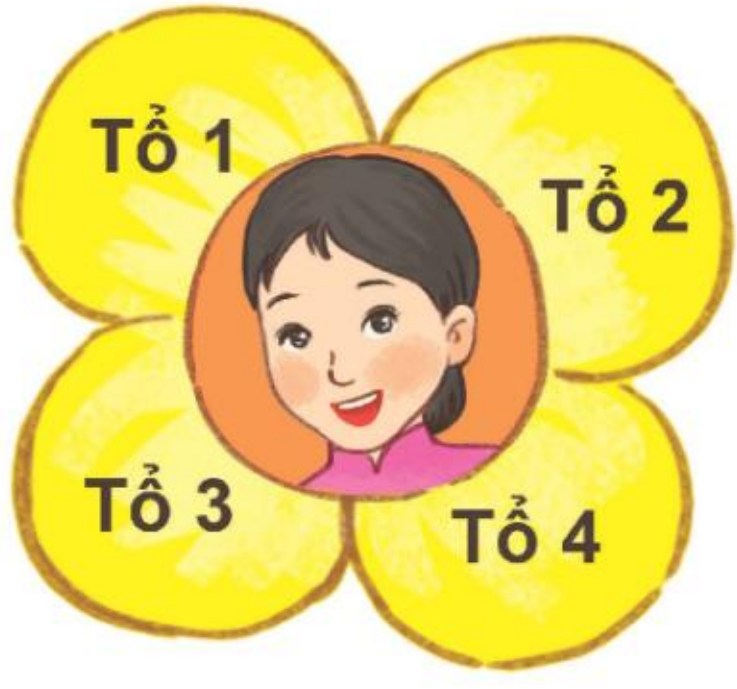
b. Nói về thầy giáo hoặc cô giáo của em.

2 Đọc

Hoa yêu thương

Hôm nay cô giáo cho lớp vẽ những gì yêu thích. Tuệ An hí hoáy vẽ siêu nhân áo đỏ, thắt lưng vàng. Gia Huy say sưa vẽ mèo máy, tỉ mỉ tô cái ria cong cong.

Cuối giờ, chúng tôi mang tranh đính lên bảng. Mọi ánh mắt đều hướng về bức tranh bông hoa bốn cánh của Hà.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Trên mỗi cánh hoa ghi tên một tổ trong lớp. Giữa nhuỵ hoa là cô giáo cười rất tươi. Bên dưới có dòng chữ nắn nót "Hoa yêu thương". Ai cũng thấy có mình trong tranh. Chúng tôi treo bức tranh ở góc sáng tạo của lớp.

(Phạm Thuỷ)

- Vần: *oay*
- Từ ngữ: *hí hoáy, tỉ mỉ, nhuỵ hoa, nắn nót, sáng tạo*

3 Trả lời câu hỏi

a. Lớp của bạn nhỏ có mấy tổ?

b. Bức tranh bông hoa bốn cánh được đặt tên là gì?

c. Theo em, có thể đặt tên nào khác cho bức tranh?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3**

Bức tranh có thể đặt tên khác là (…).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

tô vẽ　　dòng chữ　　hí hoáy

Phương ngắm nhìn (...) nắn nót trên bảng.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

âu yếm　　chúc mừng





7 Nghe viết

Các bạn đều thích bức tranh bông hoa bốn cánh. Bức tranh được treo ở góc sáng tạo của lớp.



8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. *n* hay *l*? ẵn nót ánh ắng im ặng

b. *g* hay *gh*? i chép ần gũi gọn àng

9 Vẽ một bức tranh về lớp em (lớp học, thầy cô, bạn bè,...) và đặt tên cho bức tranh em vẽ



Bài 4

CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC

1 Quan sát cây trong tranh dưới đây

a. Tranh vẽ cây gì?

b. Em thường thấy cây này ở đâu?

2 Đọc

Cây bàng và lớp học

Bên cửa lớp học
Có cây bàng già
Tán lá xoè ra
Như ô xanh mướt.

Bàng ghé cửa lớp
Nghe cô giảng bài
Mỗi buổi sớm mai
Quên ngày mưa nắng.

Cuối tuần, lớp vắng
Không thấy tiếng cô
Không bạn vui đùa
Tán bàng ngơ ngác.

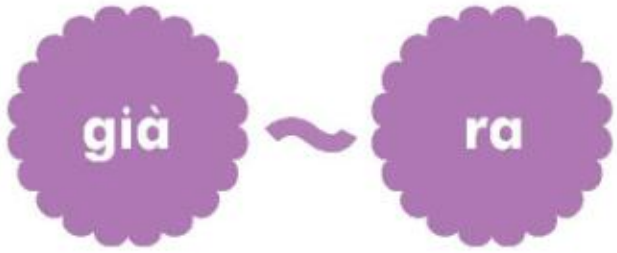
Thứ hai trở lại
Lớp học tưng bừng
Tán xanh vui mừng
Vẫy chào các bạn.

(Minh Tâm)



Từ ngữ: *tán lá, xanh mướt, tưng bừng*

3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**



4 **Trả lời câu hỏi**

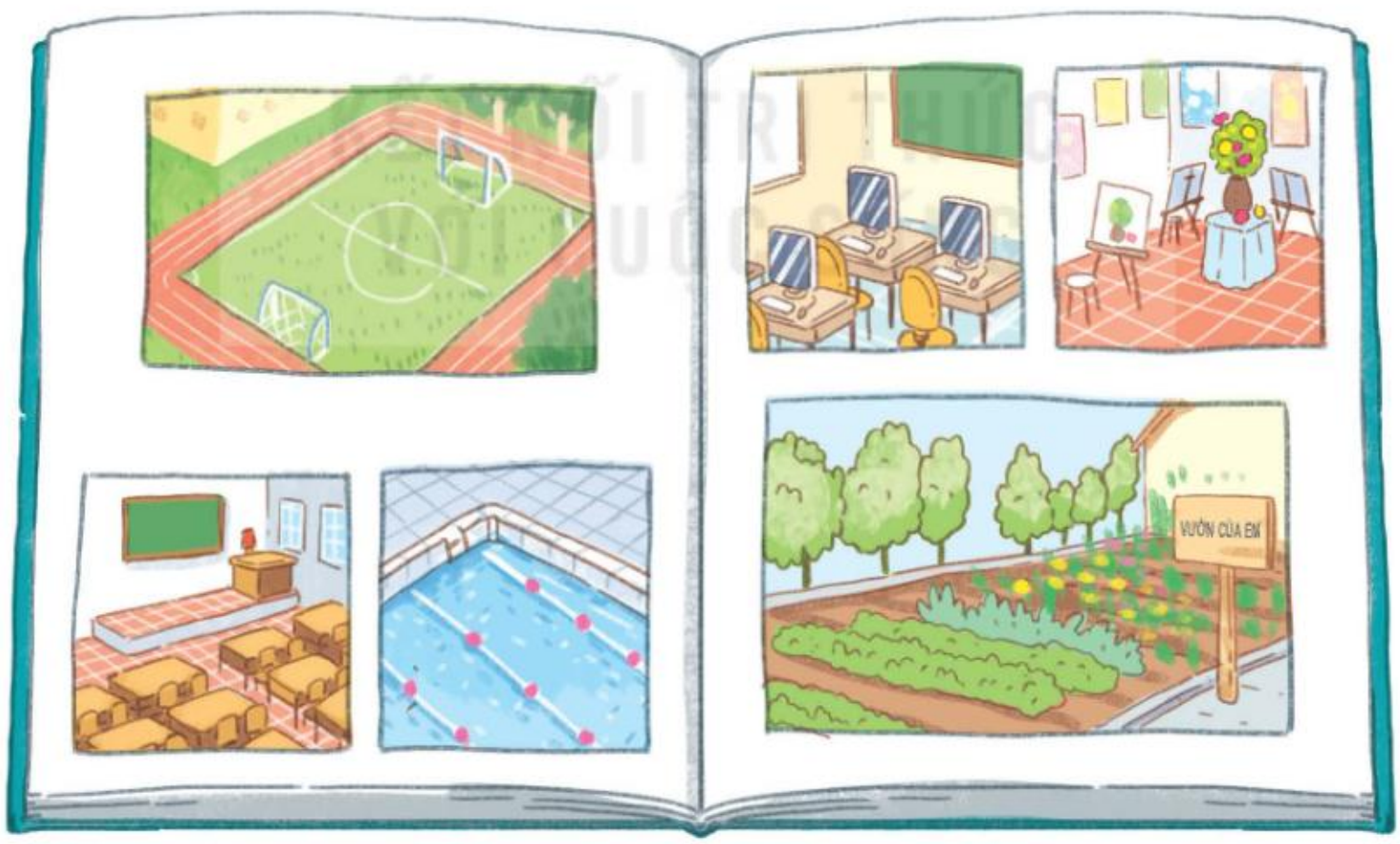
a. Trong khổ thơ đầu, cây bàng như thế nào?

b. Cây bàng ghé cửa lớp để làm gì?

c. Thứ hai, lớp học như thế nào?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu**

6 **Trò chơi** ***Ngôi trường mơ ước:*** **Nhìn hình nói tên sự vật**



Bài 5

BÁC TRỐNG TRƯỜNG

1 **Quan sát tranh lễ khai giảng năm học**



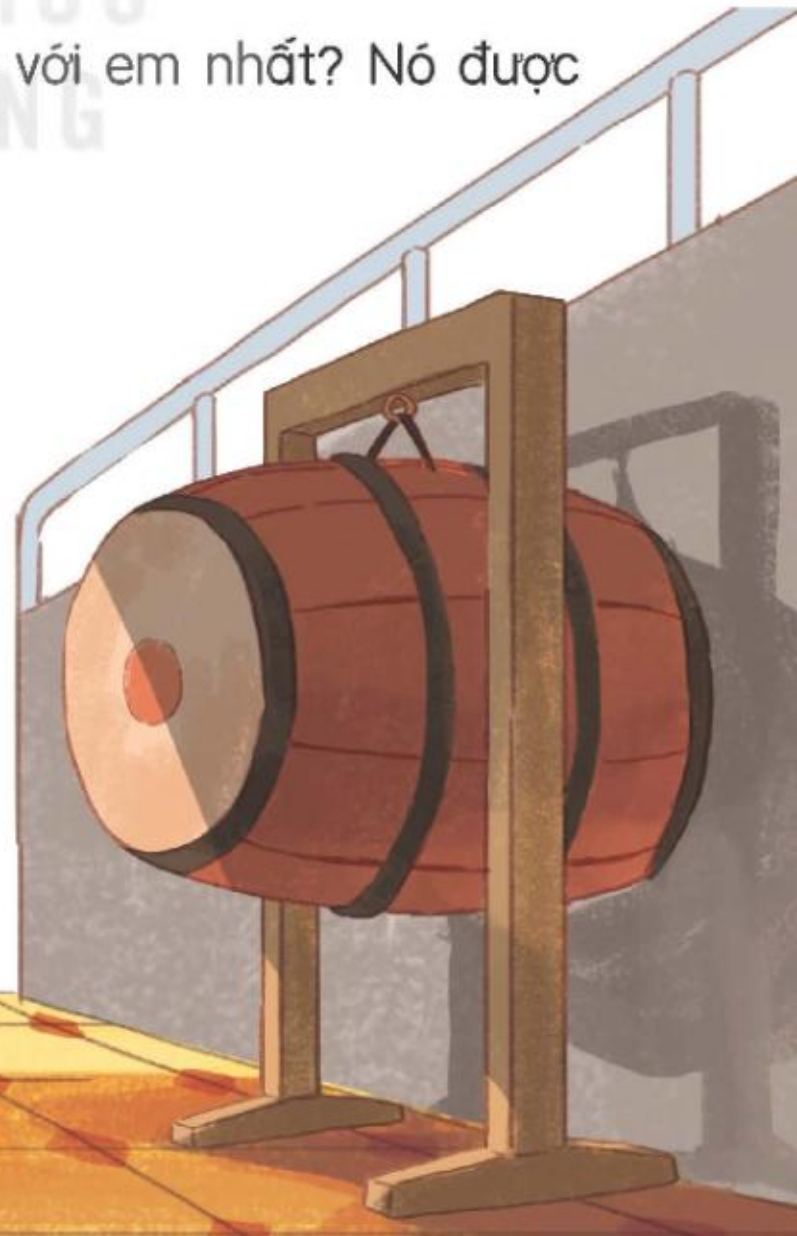
a. Em thấy những gì trong tranh?

b. Trong tranh, đồ vật nào quen thuộc với em nhất? Nó được dùng để làm gì?

2 **Đọc**

Bác trống trường

Tôi là trống trường. Thân hình tôi đẫy đà, nước da nâu bóng. Học trò thường gọi tôi là bác trống. Có lẽ vì các bạn thấy tôi ở trường lâu lắm rồi. Chính tôi cũng không biết mình đến đây từ bao giờ.



Hằng ngày, tôi giúp học trò ra vào lớp đúng giờ. Ngày khai trường, tiếng của tôi dõng dạc "tùng... tùng... tùng...", báo hiệu một năm học mới.

Bây giờ có thêm anh chuông điện, thỉnh thoảng cũng "reng... reng... reng..." báo giờ học. Nhưng tôi vẫn là người bạn thân thiết của các cô cậu học trò.

(Huy Bình)

- Vần: *eng*
- Từ ngữ: *đẫy đà, nâu bóng, báo hiệu*

3 Trả lời câu hỏi

a. Trống trường có vẻ ngoài như thế nào?

b. Hằng ngày, trống trường giúp học sinh việc gì?

c. Ngày khai trường, tiếng trống báo hiệu điều gì?



4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**

Hằng ngày, trống trường giúp học sinh (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

ngày khai trường	trống trường	báo hiệu

Năm nào cũng vậy, chúng em háo hức chờ đón (…).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

xếp hàng	gấp sách vở





7 Nghe viết

Thỉnh thoảng có chuông điện báo giờ học. Nhưng trống trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh.





8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Bác trống trường* từ ngữ có tiếng chứa vần *ang, an, au, ao*

9 Đọc và giải câu đố

– Ở lớp mặc áo đen, xanh

Với anh phấn trắng đã thành bạn thân.

(*Là cái gì?*)

– "Reng... reng" là tiếng của tôi

Ra chơi, vào học, tôi thời báo ngay.

(*Là cái gì?*)



Bài 6

GIỜ RA CHƠI

1 Quan sát cảnh ra chơi của các bạn học sinh

a. Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường làm gì?

b. Em cảm thấy thế nào khi ra chơi?

2 Đọc

Giờ ra chơi

Trống báo giờ ra chơi
Từng đàn chim áo trắng
Xếp sách vở mau thôi
Ùa ra ngoài sân nắng.

Chỗ này đây, bạn gái
Vui nhảy dây nhịp nhàng
Vòng quay đều êm ái
Rộn tiếng cười hoà vang.

Đằng kia, ấy bạn trai
Đá cầu bay vun vút
Đôi chân móc rất tài
Tung nắng hồng lên ngực.

Giờ chơi vừa chấm dứt
Đàn chim non vội vàng
Xếp hàng nhanh vào lớp
Bài học mới sang trang.

(Nguyễn Lãm Thắng)

Từ ngữ: *nhịp nhàng, vun vút*

3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**

trắng ~ nắng

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Những trò chơi nào được nói tới trong bài?

b. Những từ ngữ nào cho biết các bạn chơi trò chơi rất giỏi?

c. Giờ ra chơi của các bạn như thế nào?

5 **Học thuộc lòng khổ thơ thứ hai và thứ ba**

6 **Trò chơi** ***Nhìn hình đoán tên trò chơi***





ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *yêm, iêng, eng, uy, oay***

yêm

iêng

eng

uy

oay

2 **Tìm ở dưới đây những từ ngữ về trường học**



3 **Kể về một ngày ở trường của em**

a. Em thường làm những việc gì?

b. Việc gì em thấy thú vị nhất?

4 Viết 1 – 2 câu về trường em



5 Đọc mở rộng

a. Tìm đọc một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học.

b. Nói với bạn về nội dung em đã đọc.





KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4

ĐIỀU EM CẦN BIẾT

Bài 1 RỬA TAY TRƯỚC KHI ĂN

1 **Quan sát tranh các bạn đang rửa tay**



a. Vì sao các bạn phải rửa tay?

b. Em thường rửa tay khi nào?

2 **Đọc**

Rửa tay trước khi ăn

Vi trùng có ở khắp nơi. Nhưng chúng ta không nhìn thấy được bằng mắt thường. Khi tay tiếp xúc với đồ vật, vi trùng dính vào tay.

Tay cầm thức ăn, vi trùng từ tay theo thức ăn đi vào cơ thể. Do đó, chúng ta có thể mắc bệnh.

Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay trước khi ăn. Cần rửa tay bằng xà phòng với nước sạch.

(Nguyên Vũ)

Từ ngữ: *vi trùng, tiếp xúc, mắc bệnh, phòng bệnh*



3 Trả lời câu hỏi

a. Vi trùng đi vào cơ thể con người bằng cách nào?

b. Để phòng bệnh, chúng ta phải làm gì?

c. Cần rửa tay như thế nào cho đúng?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**

Để phòng bệnh, chúng ta phải (…).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

vi trùng	rửa tay	phòng bệnh

Ăn chín, uống sôi để (…).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

xà phòng	chà xát	rửa	lau khô



7 Nghe viết

Để phòng bệnh, chúng ta phải rửa tay trước khi ăn.
Cần rửa tay bằng xà phòng với nước sạch.



8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. *tr* hay *ch* ? vi ùng à xát nhanh óng

b. *gh* hay *g* ? i nhớ cố ắng gọn ẽ

c. *r/d* hay *gi* ? a dẻ ửa tay ữ gìn

9 Trò chơi *Em làm bác sĩ*



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

LỜI CHÀO ĐI TRƯỚC

1 Quan sát tranh

a. Hai người trong tranh đang làm gì?

b. Em thường chào những ai? Em chào như thế nào?



2 Đọc

Lời chào đi trước
Đi đến nơi nào
Lời chào đi trước
Lời chào dẫn bước
Chẳng sợ lạc nhà

Lời chào kết bạn
Con đường bớt xa
Lời chào là hoa
Nở từ lòng tốt

Là cơn gió mát
Buổi sáng đầu ngày
Như một bàn tay
Chân thành cởi mở

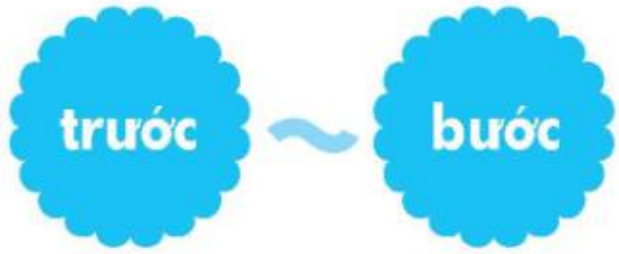
Ai ai cũng có
Chẳng nặng là bao
Bạn ơi đi đâu
Nhớ mang đi nhé.

(Nguyễn Hoàng Sơn)



Từ ngữ: *chân thành, cởi mở*

3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**



4 **Trả lời câu hỏi**

a. Lời chào được so sánh với những gì?

(Em hãy chọn 3 trong 4 sự vật sau: bông hoa, cơn gió, ngôi nhà, bàn tay)

b. Em học được điều gì từ bài thơ này?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu**

6 **Hát một bài hát về lời chào hỏi**



Bài 3

KHI MẸ VẮNG NHÀ



1 **Quan sát tranh dưới đây**

a. Em thấy những gì trong bức tranh?

b. Theo em, bạn nhỏ nên làm gì? Vì sao?

2 **Đọc**

Khi mẹ vắng nhà

Trong khu rừng nọ có một đàn dê con sống cùng mẹ. Một hôm, trước khi đi kiếm cỏ, dê mẹ dặn con:

– Ai đến gọi cửa, các con đừng mở nhé! Chỉ mở cửa khi nghe tiếng mẹ.

Một con sói nấp gần đó. Đợi dê mẹ đi xa, nó gõ cửa và giả giọng dê mẹ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhớ lời mẹ, đàn dê con nói:

– Không phải giọng mẹ. Không mở.

Sói đành bỏ đi.

Một lúc sau, dê mẹ về. Nghe đúng tiếng mẹ, đàn dê con ra mở cửa và tíu tít khoe:

– Lúc mẹ đi vắng, có tiếng gọi cửa, nhưng không phải giọng của mẹ nên chúng con không mở.

Dê mẹ xoa đầu đàn con:

– Các con ngoan lắm!

(Theo *Truyện cổ Grim*)

Từ ngữ: *giả giọng, tíu tít*



3 **Trả lời câu hỏi**

a. Dê mẹ dặn dê con chỉ được mở cửa khi nào?

b. Sói làm gì khi dê mẹ vừa đi xa?

c. Nghe chuyện, dê mẹ đã nói gì với đàn con?

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**

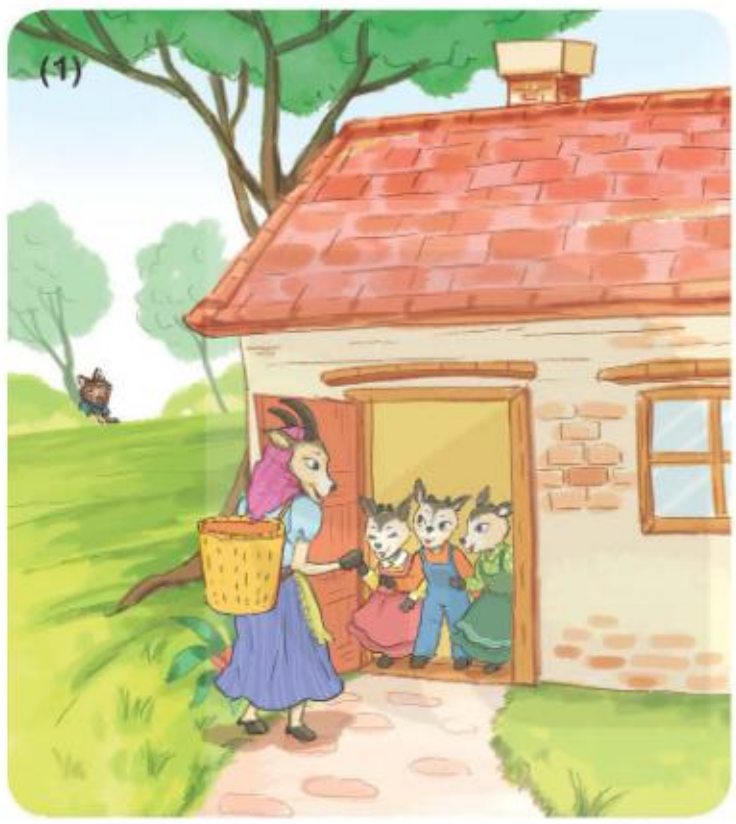
Khi dê mẹ vừa đi xa, sói (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

mời	mở cửa	nghe lời

Khi ở nhà một mình, em không được (…) cho người lạ.

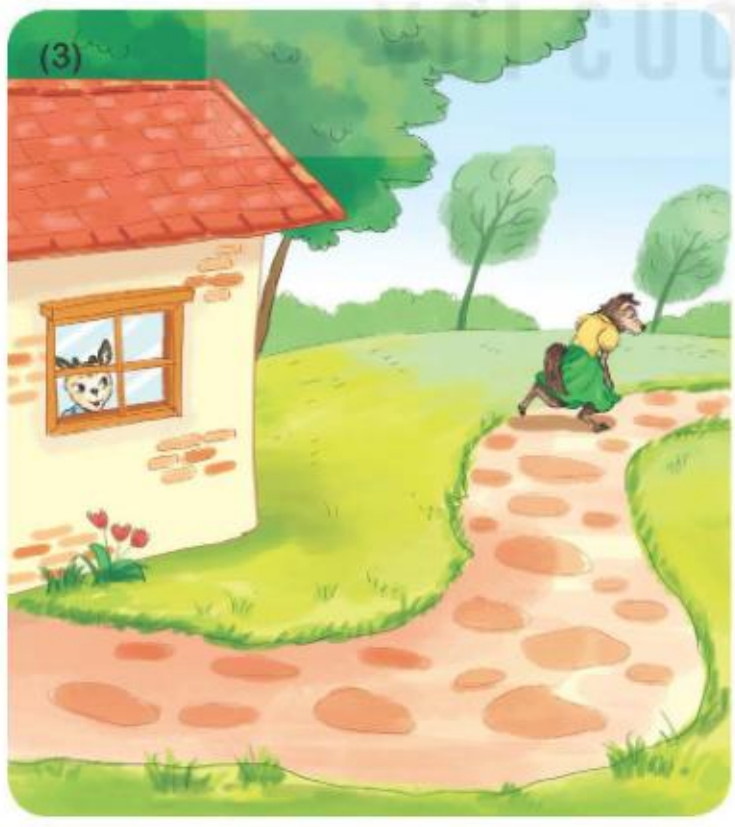
6 **Quan sát tranh và kể lại câu chuyện *Khi mẹ vắng nhà***



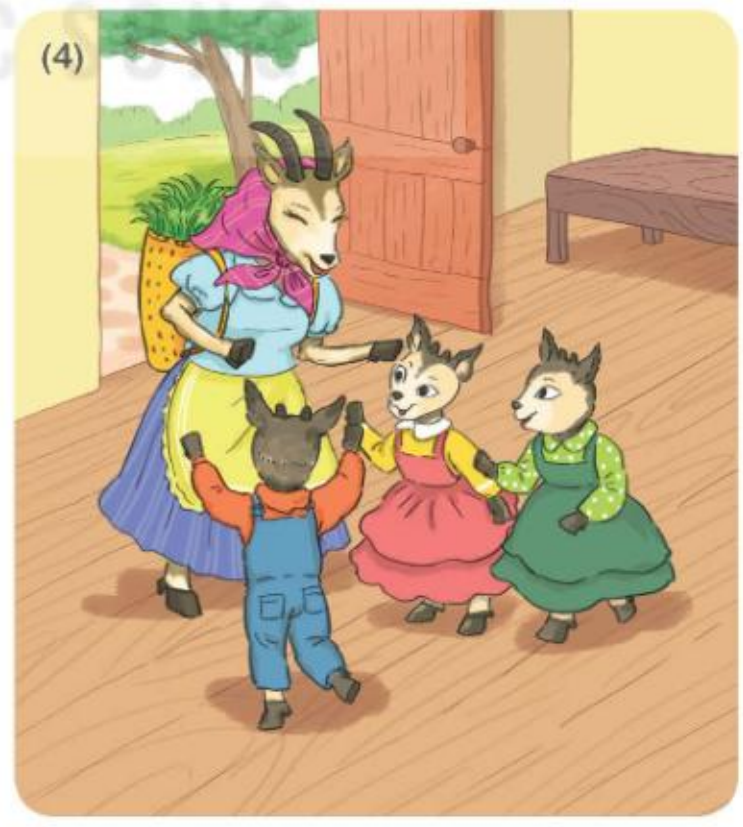
Trong khu rừng nọ (...)



Một con sói (...)



Nhớ lời mẹ (...)



Nghe đúng tiếng mẹ (...)

7 Nghe viết

Lúc dê mẹ vừa đi, sói đến gọi cửa. Đàn dê con biết sói giả giọng mẹ nên không mở cửa.

8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. *c* hay *k*? ì lạ ỏ non ể chuyện

b. *v* hay *d*? ề nhà ê con ội vã

9 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh: *Những gì em cần phải tự làm? Những gì em không được tự ý làm?*

mặc quần áo	lấy đồ vật trên cao





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

NẾU KHÔNG MAY BỊ LẠC

1 Quan sát bạn nhỏ trong tranh



a. Bạn nhỏ đang ở đâu? Vì sao bạn ấy khóc?

b. Nếu gặp phải trường hợp như bạn nhỏ, em sẽ làm gì?

2 Đọc

Nếu không may bị lạc

Sáng Chủ nhật, bố cho Nam và em đi công viên. Công viên đông như hội. Khi vào cổng, bố dặn: "Các con cẩn thận kẻo bị lạc. Nếu không may bị lạc, các con nhớ đi ra cổng này. Nhìn kìa, trên cổng có lá cờ rất to.".



Công viên đẹp quá. Nam cứ mải mê xem hết chỗ này đến chỗ khác. Lúc ngoảnh lại thì không thấy bố và em đâu. Nam vừa chạy tìm vừa gọi "Bố ơi! Bố ơi!". Hoảng hốt, Nam suýt khóc. Chợt Nam nhìn thấy tấm biển "Lối ra cổng". Nhớ lời bố dặn, Nam đi theo hướng tấm biển chỉ đường. "A, lá cờ kia rồi!". Nam mừng rỡ khi thấy bố và em đang chờ ở đó.

(*Phỏng theo* Phạm Thị Thuý – Tuấn Hiển)

- Vần: *oanh*
- Từ ngữ: *đông như hội, mải mê, ngoảnh lại, suýt*

3 Trả lời câu hỏi

a. Bố cho Nam và em đi chơi ở đâu?

b. Khi vào cổng, bố dặn hai anh em Nam thế nào?

c. Nhớ lời bố dặn, Nam đã làm gì?



4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3**

Bố cho Nam và em (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

người lạ	hoảng hốt	mải mê

Uyên không (…) khi bị lạc.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói:**
Nếu chẳng may bị lạc, em sẽ làm gì?

gọi điện	nhân viên bảo vệ	người lạ





7 Nghe viết

Nam bị lạc khi đi chơi công viên. Nhớ lời dặn, Nam tìm đến điểm hẹn, gặp lại bố và em.

8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Nếu không may bị lạc* từ ngữ có tiếng chứa vần *im, iêm, ep, êp*

9 Trò chơi *Tìm đường về nhà*

Đường về nhà thỏ phải đi qua những từ ngữ có bông hoa cần thay bằng *gi*. Em hãy giúp thỏ tìm đường về nhà nhé.



ảng bài

ày dép

canh ữ

ẻo dai

au cải

ữ tợn

ọt nước

a đình







KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5

ĐÈN GIAO THÔNG

1 Quan sát tranh và cho biết tranh vẽ cảnh gì



2 Đọc

Đèn giao thông



Ở các ngã ba, ngã tư đường phố thường có cây đèn ba màu: đỏ, vàng, xanh. Đèn đỏ báo hiệu người đi đường và các phương tiện giao thông phải dừng lại. Đèn xanh báo hiệu được phép di chuyển. Còn đèn vàng báo hiệu phải đi chậm lại trước khi dừng hẳn.

Cây đèn ba màu này được gọi là đèn giao thông. Nó điều khiển việc đi lại trên đường phố. Nếu không có đèn giao thông thì việc đi lại sẽ rất lộn xộn và nguy hiểm.

Tuân thủ sự điều khiển của đèn giao thông giúp chúng ta bảo đảm an toàn khi đi lại.

(Trung Kiên)

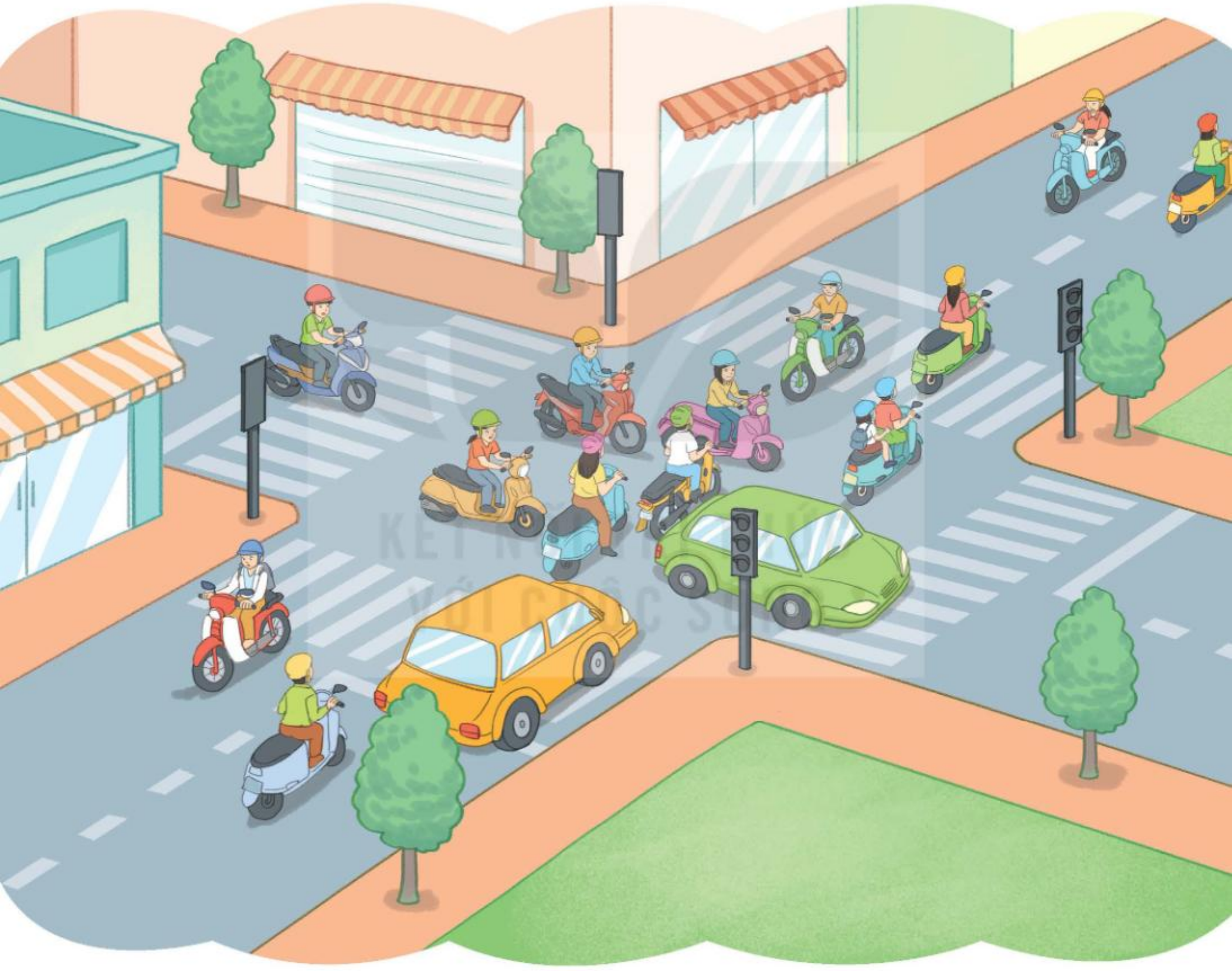
Từ ngữ: *ngã ba, ngã tư, điều khiển, tuân thủ*

3 **Trả lời câu hỏi**

a. Đèn giao thông có mấy màu?

b. Mỗi màu của đèn giao thông báo hiệu điều gì?

c. Nếu không có đèn giao thông thì việc đi lại ở các đường phố sẽ như thế nào?



4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3**

Đèn giao thông có (...).

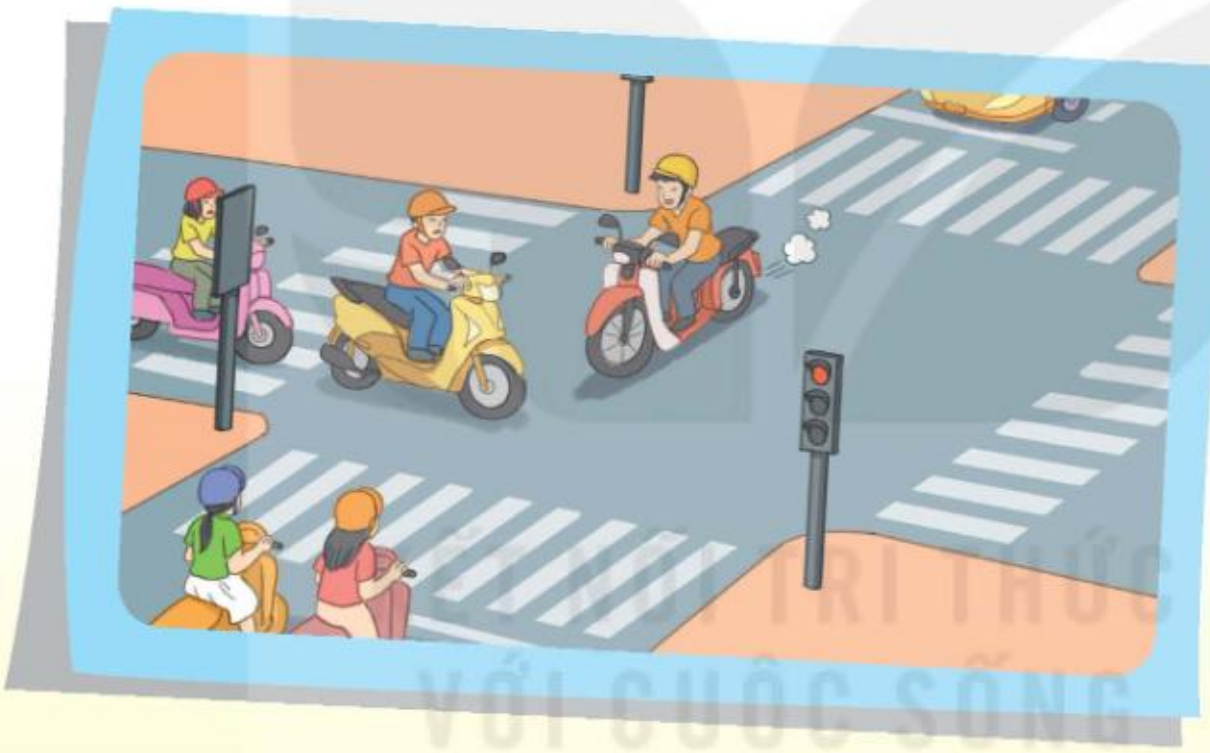
5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

đèn xanh	đèn vàng	đèn đỏ

Xe cộ cần phải dừng lại khi có (...).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

đèn đỏ	nguy hiểm	đèn xanh	qua đường





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

7 Nghe viết

Đèn đỏ báo hiệu dừng lại. Đèn xanh báo hiệu được phép di chuyển. Đèn vàng báo hiệu đi chậm rồi dừng hẳn.

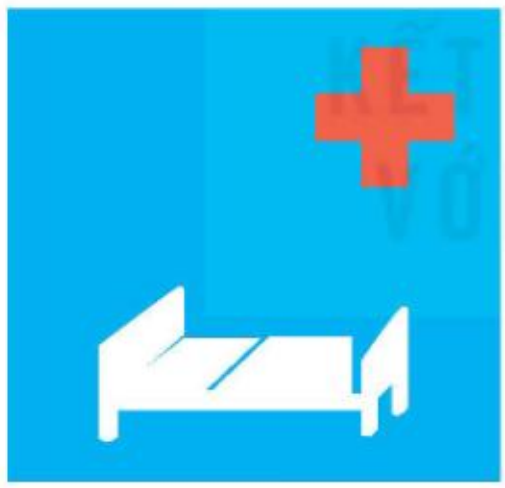


8 Chọn dấu thanh phù hợp thay cho chiếc lá

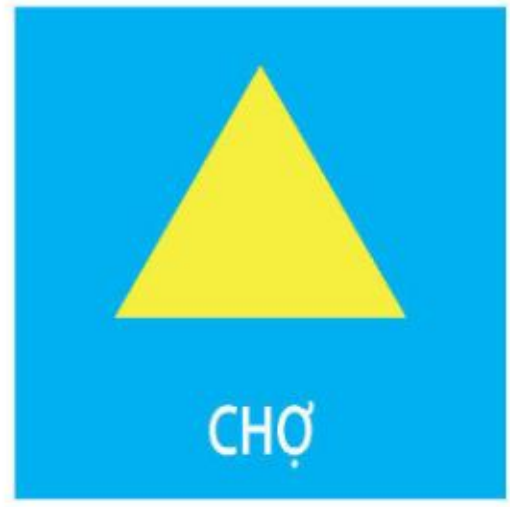
Dấu hỏi hay *dấu ngã*?

nga ba ngõ nho điều khiển bút ve

9 Trò chơi *Nhận biết biển báo*







KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *oanh, uyt, iêu, iêm***



2 **Tìm lời khuyên phù hợp với mỗi bài mà em đã học**

Tên bài đọc	Lời khuyên
Rửa tay trước khi ăn	Không mở cửa cho người lạ khi ở nhà một mình.
Lời chào đi trước	Cần phải rửa tay sạch trước khi ăn để phòng bệnh.
Khi mẹ vắng nhà	Nhớ chào hỏi khi gặp gỡ.
Nếu không may bị lạc	Khi đi đường, cần phải tuân thủ sự điều khiển của đèn giao thông.
Đèn giao thông	Khi đi chơi chỗ đông người, phải chú ý đề phòng bị lạc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 **Chọn việc làm ở B phù hợp với tình huống ở A**

A	B
Gặp ai đó lần đầu và em muốn người đó biết về em	cảm ơn
Được ai đó giúp đỡ	xin lỗi
Có lỗi với người khác	giới thiệu
Muốn người khác cho phép làm điều gì đó	chúc mừng
Khi bạn bè hoặc người thân có niềm vui	xin phép

4 **Kể với bạn về một tình huống em đã nói lời cảm ơn hoặc xin lỗi**

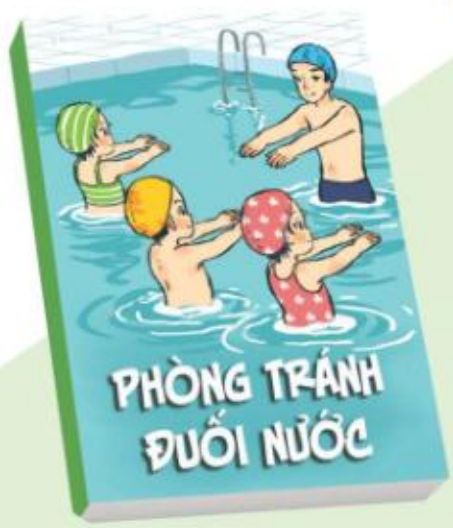
5 **Viết một câu về điều em nên làm hoặc không nên làm**

6 **Đọc mở rộng**

a. Tìm đọc một cuốn sách viết về những điều em cần biết trong cuộc sống hằng ngày.

b. Nói với bạn về điều em học được từ những nội dung đã đọc.





KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

5

BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG

Bài 1 KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU

1 **Quan sát tranh và cho biết những người trong tranh đang làm gì**



2 **Đọc**

Kiến và chim bồ câu

Một con kiến không may bị rơi xuống nước. Nó vùng vẫy và la lên:

– Cứu tôi với, cứu tôi với!

Nghe tiếng kêu cứu của kiến, bồ câu nhanh trí nhặt một chiếc lá thả xuống nước. Kiến bám vào chiếc lá và leo được lên bờ.

Một hôm, kiến thấy người thợ săn đang ngắm bắn bồ câu. Ngay lập tức, nó bò đến, cắn vào chân anh ta. Người thợ săn giật mình. Bồ câu thấy động liền bay đi.



Bồ câu tìm đến chỗ kiến, cảm động nói:

– Cảm ơn cậu đã cứu tớ.

Kiến đáp:

– Cậu cũng giúp tớ thoát chết mà.

Cả hai đều rất vui vì đã giúp nhau.

(*Theo Ngụ ngôn Ê-dốp*)

Từ ngữ: *vùng vẫy, nhanh trí, thợ săn*

3 Trả lời câu hỏi

a. Bồ câu đã làm gì để cứu kiến?

b. Kiến đã làm gì để cứu bồ câu?

c*. Em học được điều gì từ câu chuyện này?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3**

Kiến bò đến chỗ người thợ săn và (...).

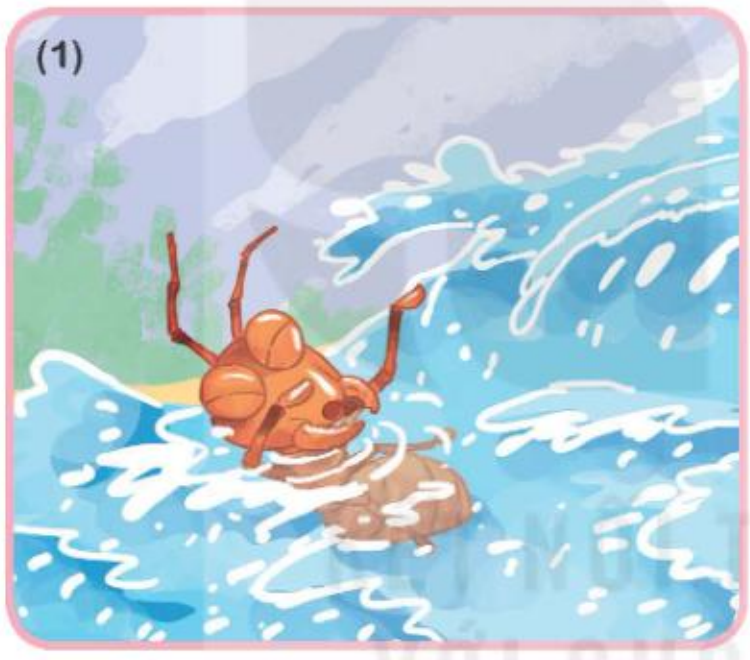
5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

giật mình nhanh trí cảm động giúp nhau cứu

a. Nam (...) nghĩ ngay ra lời giải cho câu đố.

b. Ông kể cho em nghe một câu chuyện (...).

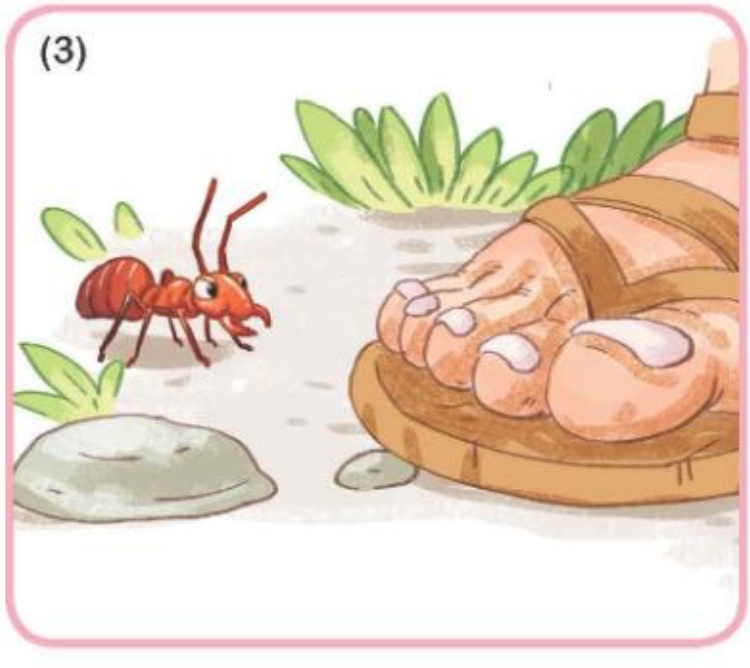
6 **Kể lại câu chuyện *Kiến và chim bồ câu***



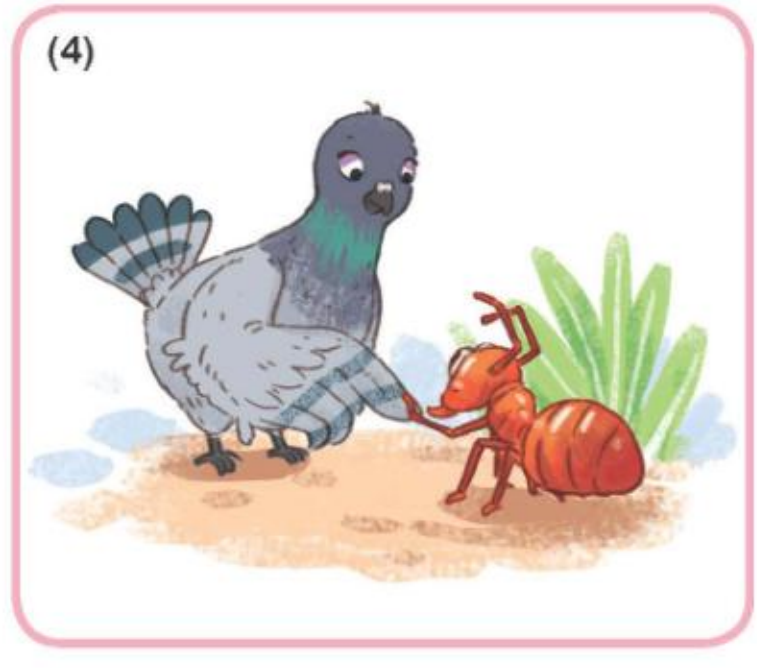
Một con kiến (...)



Nghe tiếng kêu cứu (...)



Một hôm kiến thấy (...)



Bồ câu tìm đến chỗ kiến (...)

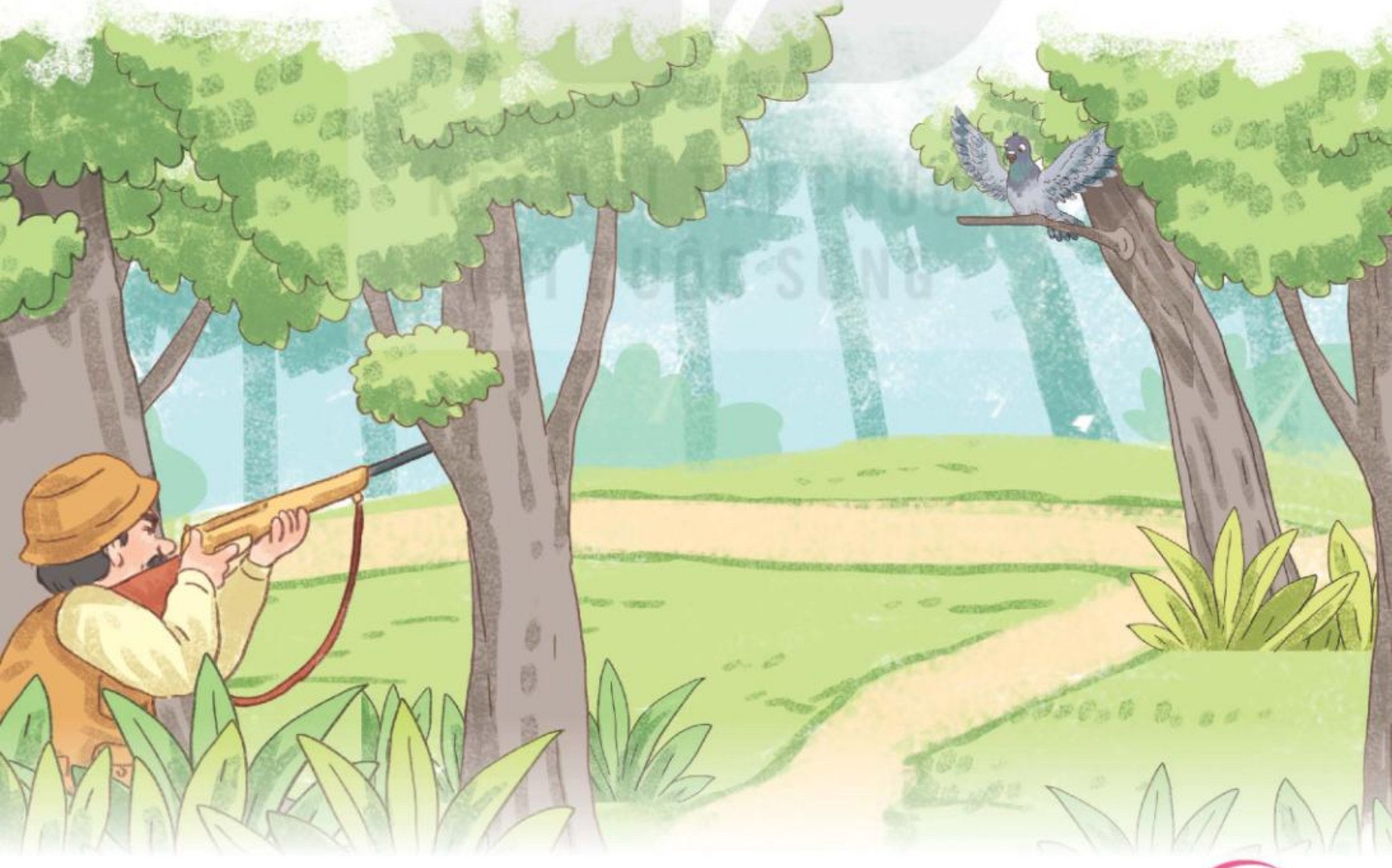
7 **Nghe viết**

Nghe tiếng kêu cứu của kiến, bồ câu nhanh trí nhặt chiếc lá thả xuống nước. Kiến bám vào chiếc lá và leo được lên bờ.

8 **Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Kiến và chim bồ câu* từ ngữ có tiếng chứa vần *ăn, ăng, oat, oăt***

9 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói: *Việc làm của người thợ săn là đúng hay sai? Vì sao?***

người thợ săn	bắn chim



Bài 2

CÂU CHUYỆN CỦA RỄ



1 Quan sát cây trong tranh

a. Cây có những bộ phận nào?

b. Bộ phận nào của cây khó nhìn thấy? Vì sao?

2 Đọc

Câu chuyện của rễ

Hoa nở trên cành
Khoe muôn sắc thắm
Giữa vòm lá xanh
Toả hương trong nắng.

Để hoa nở đẹp
Để quả trĩu cành
Để lá biếc xanh
Rễ chìm trong đất...



Nếu không có rễ
Cây chẳng đâm chồi
Chẳng ra trái ngọt
Chẳng nở hoa tươi.

Rễ chẳng nhiều lời
Âm thầm, nhỏ bé
Làm đẹp cho đời
Khiêm nhường, lặng lẽ.

(Phương Dung)

Từ ngữ: *sắc thắm, trĩu, chồi, khiêm nhường*

3 Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau

cành ~ xanh

4 Trả lời câu hỏi

a. Nhờ có rễ mà hoa, quả, lá như thế nào?

b. Cây sẽ thế nào nếu không có rễ?

c. Những từ ngữ nào thể hiện sự đáng quý của rễ?

5 Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối

6 Nói về một đức tính em cho là đáng quý

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 3

CÂU HỎI CỦA SÓI

1 **Quan sát các con vật trong tranh**



a. Các con vật trong tranh đang làm gì?

b. Em thấy các con vật này thế nào?

2 **Đọc**

Câu hỏi của sói

Một chú sóc đang chuyền trên cành cây bỗng trượt chân, rơi trúng đầu lão sói đang ngái ngủ. Sói chồm dậy, túm lấy sóc. Sóc van nài:

– Xin hãy thả tôi ra!



Sói nói:

– Được, ta sẽ thả, nhưng ngươi hãy nói cho ta biết: Vì sao bọn sóc các ngươi cứ nhảy nhót vui đùa suốt ngày, còn ta lúc nào cũng thấy buồn bực?

Sóc bảo:

– Thả tôi ra, rồi tôi sẽ nói.

Sói thả sóc ra. Sóc nhảy tót lên cây cao, rồi đáp vọng xuống:

– Mỗi khi nhìn thấy anh, chúng tôi đều bỏ chạy vì anh hay gây gổ. Anh hay buồn bực vì anh không có bạn bè. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi có nhiều bạn tốt.

(Theo *Truyện cổ Grim*)

Từ ngữ: *ngái ngủ, van nài, nhảy tót, gây gổ*

3 Trả lời câu hỏi

a. Chuyện gì xảy ra khi sóc đang chuyền trên cành cây?

b. Sói hỏi sóc điều gì?

c. Vì sao sói lúc nào cũng cảm thấy buồn bực?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

Sói lúc nào cũng cảm thấy buồn bực vì (...).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

nhảy nhót　gây gổ　hát　tốt bụng　chăm chỉ

a. Mấy chú chim sẻ đang (...) trên cành cây.

b. Người nào hay (...) thì sẽ không có bạn bè.

6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

gây gổ　bạn bè　chơi



7 Nghe viết

Sói luôn thấy buồn bực vì sói không có bạn bè.
Còn sóc lúc nào cũng vui vẻ vì sóc có nhiều bạn tốt.

8 Chọn dấu thanh phù hợp thay cho chiếc lá

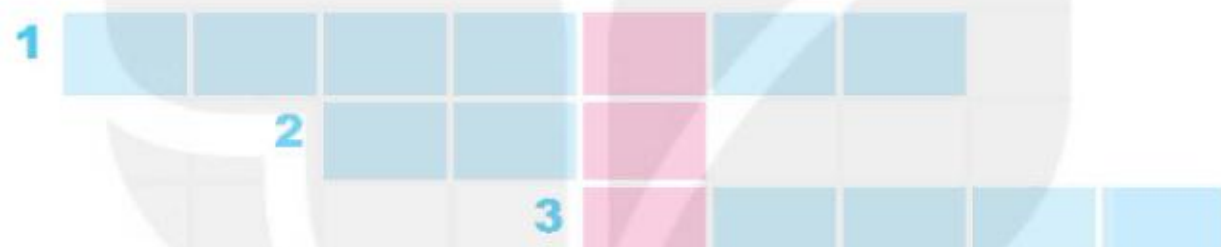
Dấu hỏi hay *dấu ngã*?

sợ hai	xấu hổ	gây gổ
buồn bã	bay nhảy	co cây

9 Giải ô chữ *Đi tìm nhân vật*

a. Giải câu đố ở bên dưới, tìm ô chữ hàng ngang. Đọc tên nhân vật ở hàng dọc màu hồng.

b. Nói về nhân vật đó.



Có một chữ "s" trong tên của nhân vật này.

(1) Sớm sớm lích rích,
Rất thích bắt sâu,
Sâu trốn ở đâu,
Cũng tìm ra được.
(*Là con gì?*)

(2) Ngày ngày ngồi đợi
Mái hiên ngoài hè
Mỗi khi chủ về
Vẫy đuôi mừng rỡ.
(*Là con gì?*)

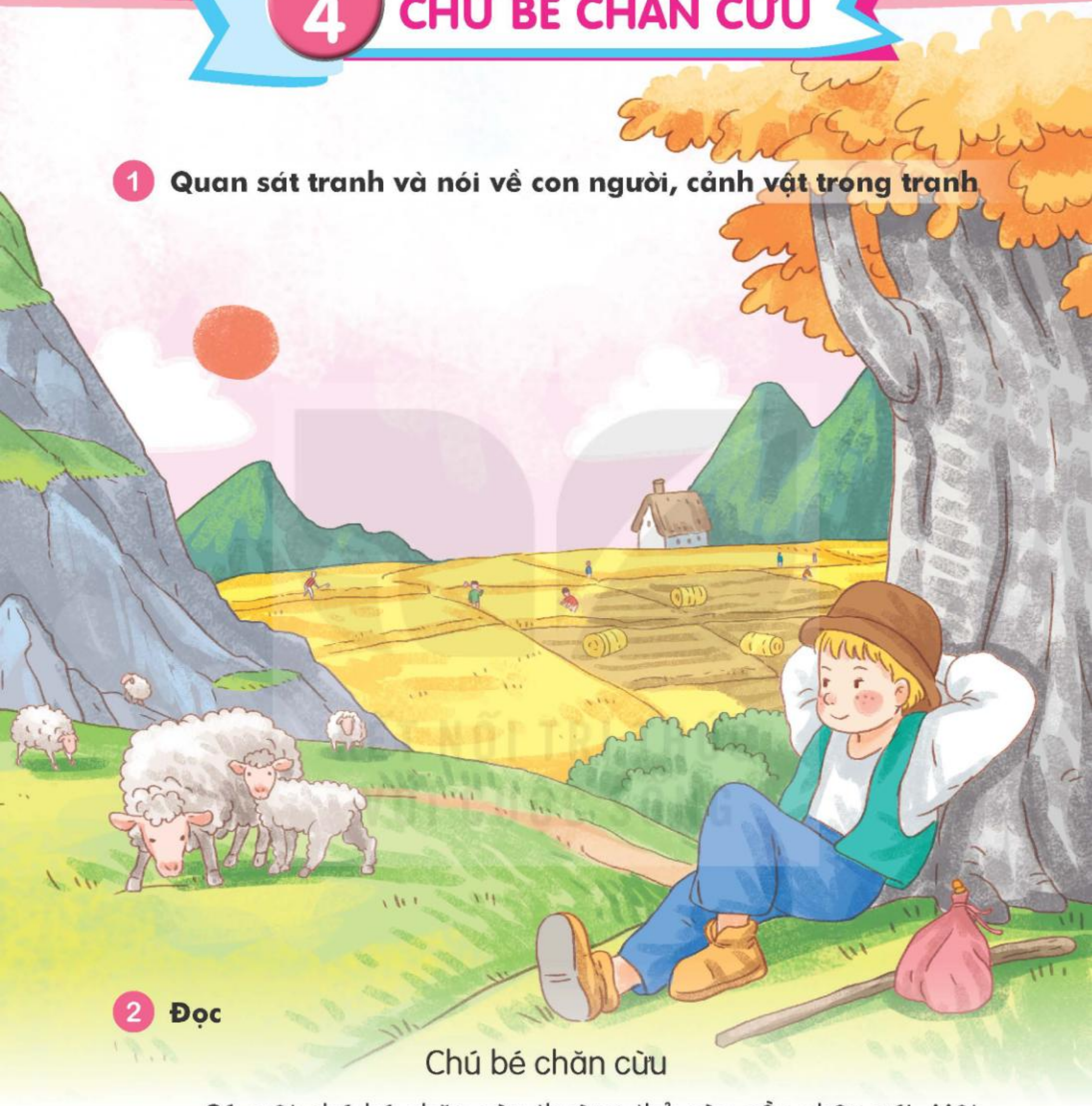
(3) Trông xa tưởng là mèo
Lại gần hoá ra chim
Ban ngày ngủ lim dim
Đêm đêm đi lùng chuột.
(*Là con gì?*)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

CHÚ BÉ CHĂN CỪU

1 **Quan sát tranh và nói về con người, cảnh vật trong tranh**



2 **Đọc**

Chú bé chăn cừu

Có một chú bé chăn cừu thường thả cừu gần chân núi. Một hôm thấy buồn quá, chú nghĩ ra một trò đùa cho vui. Chú giả vờ kêu toáng lên:

– Sói! Sói! Cứu tôi với!

Nghe tiếng kêu cứu, mấy bác nông dân đang làm việc gần đấy tức tốc chạy tới. Nhưng họ không thấy sói đâu. Thấy vậy, chú khoái chí lắm.

Mấy hôm sau, chú lại bày ra trò ấy. Các bác nông dân lại chạy tới. Rồi một hôm, sói đến thật. Chú hốt hoảng kêu gào xin cứu giúp. Các bác nông dân nghĩ là chú lại lừa mình, nên vẫn thản nhiên làm việc. Thế là sói thoả thuê ăn thịt hết cả đàn cừu.

(Theo *Ngụ ngôn Ê-dốp*)

Từ ngữ: *tức tốc, thản nhiên, thoả thuê*

3 Trả lời câu hỏi

a. Ban đầu, nghe tiếng kêu cứu, mấy bác nông dân đã làm gì?

b. Vì sao bầy sói có thể thoả thuê ăn thịt đàn cừu?

c. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện này?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

Em nghĩ rằng (…).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

nông dân	hốt hoảng	tiếng kêu cứu	thản nhiên

a. Nhiều người (...) vì có đám cháy.

b. Các bác (...) đang làm việc chăm chỉ.

6 Quan sát tranh và kể lại câu chuyện *Chú bé chăn cừu*



Có một chú bé (...)



Nghe tiếng kêu cứu (...)



Rồi một hôm (...)



Thế là (...)

7 Nghe viết

Một hôm, sói đến thật. Chú bé hốt hoảng xin cứu giúp. Các bác nông dân nghĩ là chú nói dối, nên vẫn thản nhiên làm việc.

8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *ai* hay *ay*? b□ trò b□ học ch□ trốn

b. *iêc* hay *iêt*? v□ làm tạm b□ rạp x□

9 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

nông dân	chú bé	giúp



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5

TIẾNG VỌNG CỦA NÚI

1 **Quan sát tranh**



a. Em thấy gì trong bức tranh?

b. Hai phần của bức tranh có gì giống và khác nhau?

2 Đọc

Tiếng vọng của núi

Đang đi chơi trong núi, gấu con chợt nhìn thấy một hạt dẻ. Gấu con vui mừng reo lên: "A!". Ngay lập tức, có tiếng "A!" vọng lại. Gấu con ngạc nhiên kêu to: "Bạn là ai?". Lại có tiếng vọng ra từ vách núi: "Bạn là ai?". Gấu con hét lên: "Sao không nói cho tôi biết?". Núi cũng đáp lại như vậy. Gấu con bực tức: "Tôi ghét bạn.". Khắp nơi có tiếng vọng: "Tôi ghét bạn. ". Gấu con tủi thân, oà khóc.

Về nhà, gấu con kể cho mẹ nghe. Gấu mẹ cười bảo: "Con hãy quay lại và nói với núi: Tôi yêu bạn.". Gấu con làm theo lời mẹ. Quả nhiên, có tiếng vọng lại: "Tôi yêu bạn.". Gấu con bật cười vui vẻ.

(Theo *365 truyện kể hằng đêm*)

Từ ngữ: *tiếng vọng, bực tức, tủi thân, quả nhiên*

3 Trả lời câu hỏi

a. Chuyện gì xảy ra khi gấu con vui mừng reo lên "A!"?

b. Gấu mẹ nói gì với gấu con?

c. Sau khi làm theo lời mẹ, gấu con cảm thấy như thế nào?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3**

Sau khi làm theo lời mẹ, gấu con cảm thấy (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

vui mừng yêu mến nhìn thấy tủi thân reo lên

a. Hà luôn giúp đỡ bạn nên được cả lớp (...).

b. Gấu con (...) vì các bạn không chơi cùng.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

chào bạn không chơi với bạn





7 Nghe viết

Theo lời mẹ, gấu con quay lại nói với núi là gấu yêu núi. Quả nhiên, khắp núi vọng lại lời yêu thương. Gấu con bật cười vui vẻ.



8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Tiếng vọng của núi* từ ngữ có tiếng chứa vần *iêt, iêp, ưc, uc*

9 Trò chơi *Ghép từ ngữ*

Tìm từ ngữ có mối liên hệ với nhau. (Mẫu: bật đèn – sáng)



ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *ươt, uôn, uông, oai***



2 **Dưới đây là những nhân vật trong các truyện em vừa học. Hãy chọn chi tiết phù hợp với từng nhân vật của truyện.**

Truyện	Nhân vật	Chi tiết
Kiến và chim bồ câu	kiến	1. Lúc nào cũng thấy buồn bực
	bồ câu	2. Bật cười vui vẻ vì được nghe: "Tôi yêu bạn."
Câu hỏi của sói	sói	3. Nói với con: "Con hãy quay lại và nói với núi: Tôi yêu bạn."
	sóc	4. Hay nói dối
Tiếng vọng của núi	gấu con	5. Nghĩ rằng chú bé lại nói dối như mọi lần
	gấu mẹ	6. Không may bị rơi xuống nước
Chú bé chăn cừu	chú bé chăn cừu	7. Nhặt một chiếc lá thả xuống nước
	các bác nông dân	8. Nhảy nhót, vui đùa suốt ngày

3 **Trong những nhân vật sau, em thích và không thích nhân vật nào? Vì sao?**



4 **Viết 1 – 2 câu về một nhân vật ở mục 3**



5 **Đọc mở rộng**

a. Tìm đọc một câu chuyện kể về một đức tính tốt.

b. Kể lại cho bạn nghe và nói suy nghĩ của em về câu chuyện đã đọc.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

6

THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

Bài 1

LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ

1 **Quan sát tranh và cho biết điểm khác nhau giữa chim và cá**



2 **Đọc**

Loài chim của biển cả

Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên có thể bay rất xa, vượt qua cả những đại dương mênh mông. Hải âu còn bơi rất giỏi nhờ chân của chúng có màng như chân vịt.

Hải âu bay suốt ngày trên mặt biển. Đôi khi, chúng đậu ngay trên mặt nước dập dềnh. Khi trời sắp có bão, chúng bay thành đàn tìm nơi trú ẩn. Vì vậy, hải âu được gọi là loài chim báo bão. Chúng cũng được coi là bạn của những người đi biển.

(Trung Nguyên)

Từ ngữ: *sải cánh, đại dương, màng, dập dềnh, bão*

3 Trả lời câu hỏi

a. Hải âu có thể bay xa như thế nào?

b. Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?

c. Vì sao hải âu được gọi là loài chim báo bão?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3**

- Hải âu có thể bay (...).
- Ngoài bay xa, hải âu còn (...).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

đại dương bay xa thời tiết bão đi biển

a. Ít có loài chim nào có thể (...) như hải âu.

b. Những con tàu lớn có thể đi qua các (...).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

hải âu máy bay bay cánh





KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

7 Nghe viết

Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên bay rất xa. Chúng còn bơi rất giỏi nhờ chân có màng như chân vịt.



8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *ân* hay *uân*? đôi ch■ g■ gũi h■ luyện

b. *im* hay *iêm*? lim d■ quý h■ trái t■

9 Trao đổi: Cần làm gì để bảo vệ các loài chim?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

BẢY SẮC CẦU VỒNG

1 Giải câu đố

Cầu gì xa tít chân trời

Bảy màu rực rỡ không người nào qua?

(*Là gì?*)

2 Đọc

Bảy sắc cầu vồng

(1) Vừa mưa lại nắng
Hay có cầu vồng
Bảy màu tươi thắm
Bé mừng vui trông

(2) Màu đỏ mặt trời
Màu cam đu đủ
Màu vàng cá bơi
Lục kia màu lá

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(3) Màu lam đám mây
Màu chàm áo mẹ
Màu tím hoa sim
Bảy màu yêu thế.

(4) Cầu vồng ẩn hiện
Rồi lại tan mau
Đất trời bừng tỉnh
Sau cơn mưa rào.

(Ngọc Hà)

Từ ngữ: *ẩn hiện, bừng tỉnh, mưa rào*

3 Tìm trong bài đọc những tiếng có vần *ông, ơi, ưa*

vồng ~ trông

4 Trả lời câu hỏi

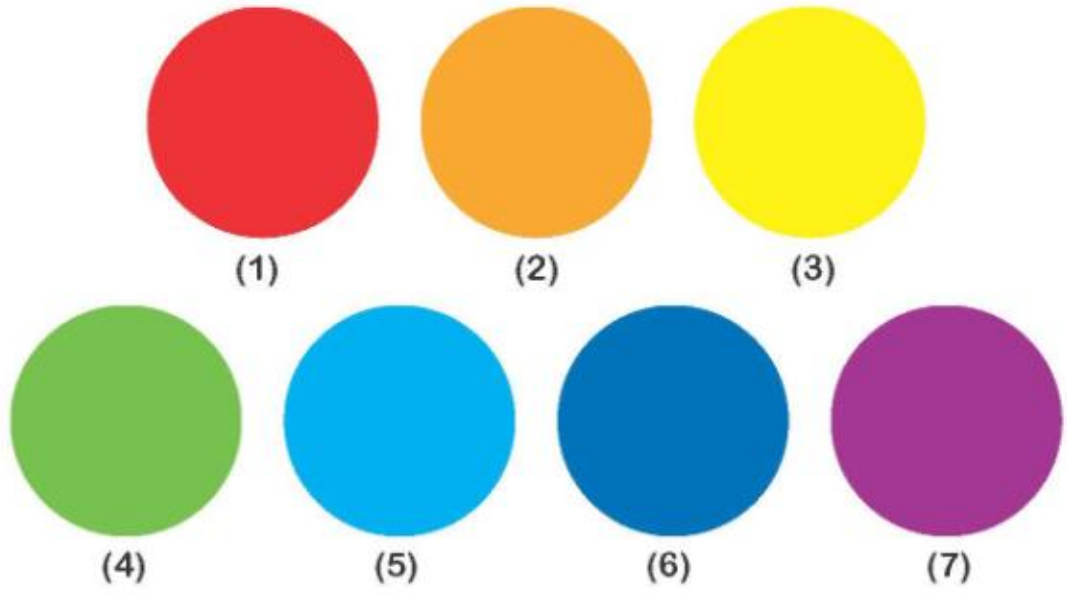
a. Cầu vồng thường xuất hiện khi nào?

b. Cầu vồng có mấy màu? Đó là những màu nào?

c. Câu thơ nào cho thấy cầu vồng thường xuất hiện và tan đi rất nhanh?

5 Học thuộc lòng một khổ thơ em thích

6 Viết vào vở tên bảy màu của cầu vồng theo thứ tự dưới đây



Bài 3

CHÚA TỂ RỪNG XANH

1 Giải câu đố



Lông vằn lông vện mắt xanh,
Dáng đi uyển chuyển nhe nanh tìm mồi,
Thỏ nai gặp phải, hỡi ôi,
Muông thú khiếp sợ tôn ngôi chúa rừng.

(*Là con gì?*)

2 Đọc

Chúa tể rừng xanh

Hổ là loài thú dữ ăn thịt, sống trong rừng. Lông hổ thường có màu vàng, pha những vằn đen. Răng sắc nhọn, mắt nhìn rõ mọi vật trong đêm tối. Bốn chân chắc khoẻ và có vuốt sắc. Đuôi dài và cứng như roi sắt. Hổ di chuyển nhanh, có thể nhảy xa và săn mồi rất giỏi. Hổ rất khoẻ và hung dữ.

Hầu hết các con vật sống trong rừng đều sợ hổ. Vì vậy, hổ được xem là chúa tể rừng xanh.

(Theo *Từ điển tranh về các con vật*)

Từ ngữ: *chúa tể, vuốt*

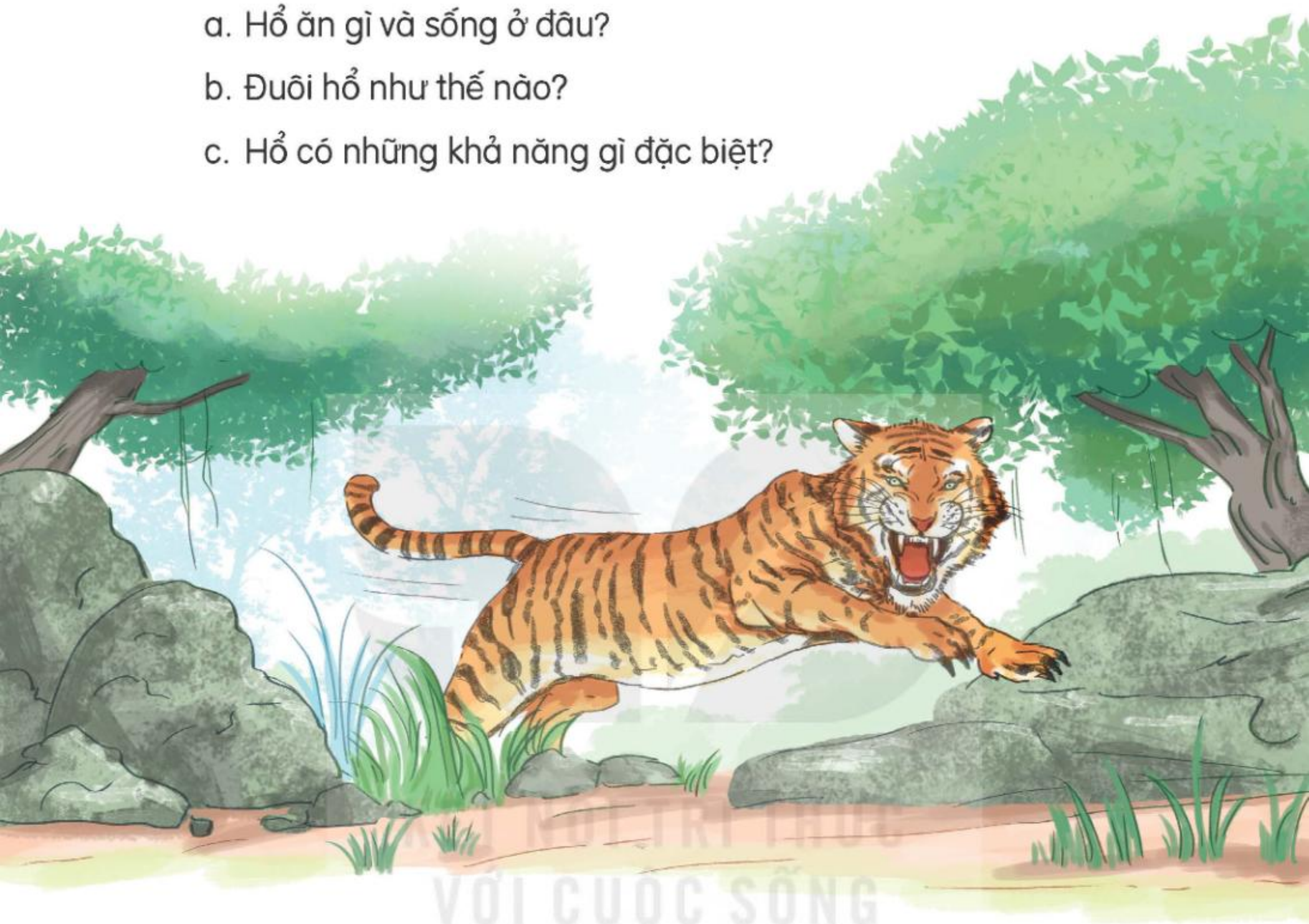
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 **Trả lời câu hỏi**

a. Hổ ăn gì và sống ở đâu?

b. Đuôi hổ như thế nào?

c. Hổ có những khả năng gì đặc biệt?



4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3**

- Hổ ăn (...) và sống (...).
- Đuôi hổ (...).



VỚI CUỘC SỐNG

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

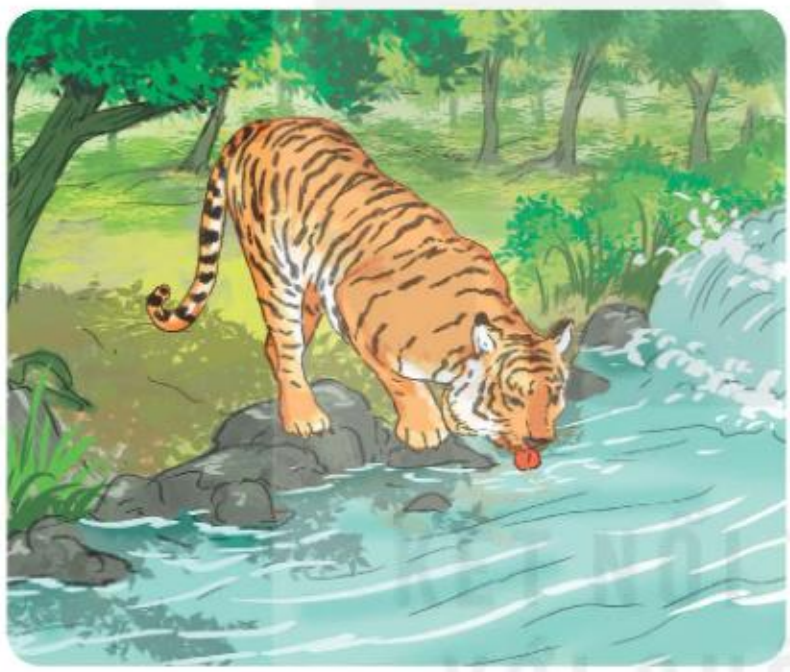
hung dữ	trong rừng	đêm tối	chúa tể

a. Gấu, khỉ, hổ, báo đều sống (...).

b. Trong (...), hổ vẫn có thể nhìn rõ mọi vật.

6 Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh

hổ	chó	rừng	nhà



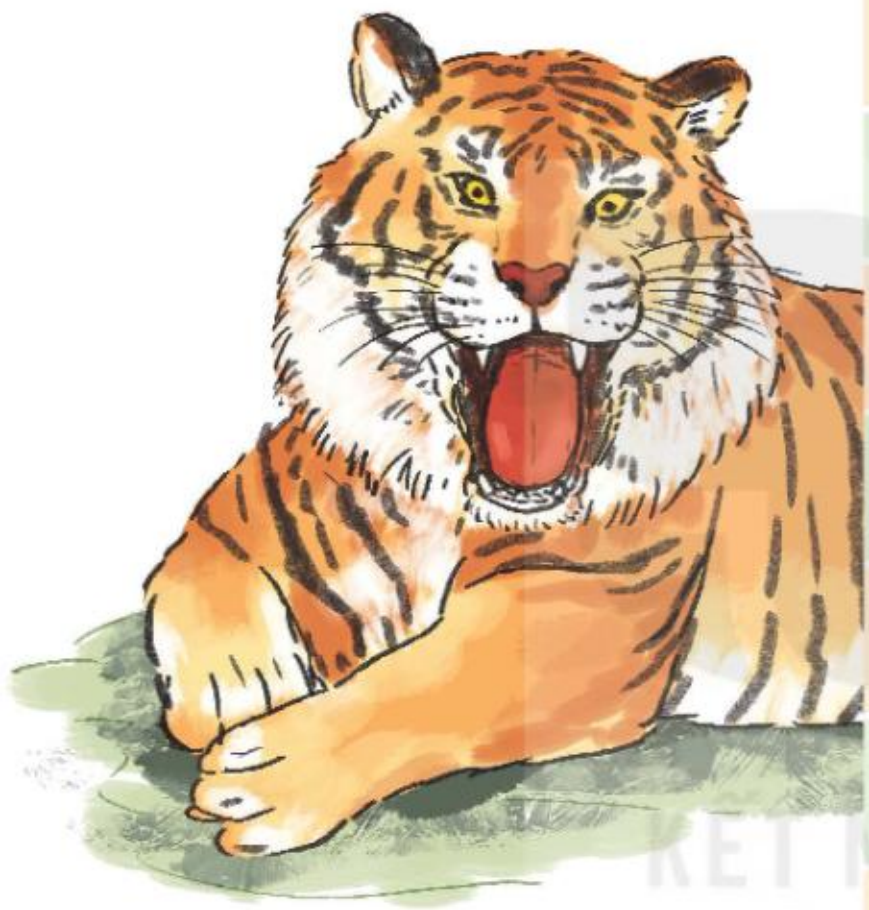


7 Nghe viết

Hổ là loài thú ăn thịt. Bốn chân chắc khoẻ và có vuốt sắc. Đuôi dài và cứng như roi sắt. Hổ rất khoẻ và hung dữ.

8 **Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Chúa tể rừng xanh* từ ngữ có tiếng chứa vần *ăt, ăc, oai, oay***

9 **Trong bảng dưới đây thông tin nào phù hợp với hổ, thông tin nào phù hợp với mèo?**



1. Sống trong rừng
2. Sống trong nhà
3. To lớn
4. Nhỏ bé
5. Thường bắt chuột
6. Thường săn bắt hươu, nai
7. Leo trèo giỏi
8. Không giỏi leo trèo
9. Hung dữ
10. Dễ thương, dễ gần

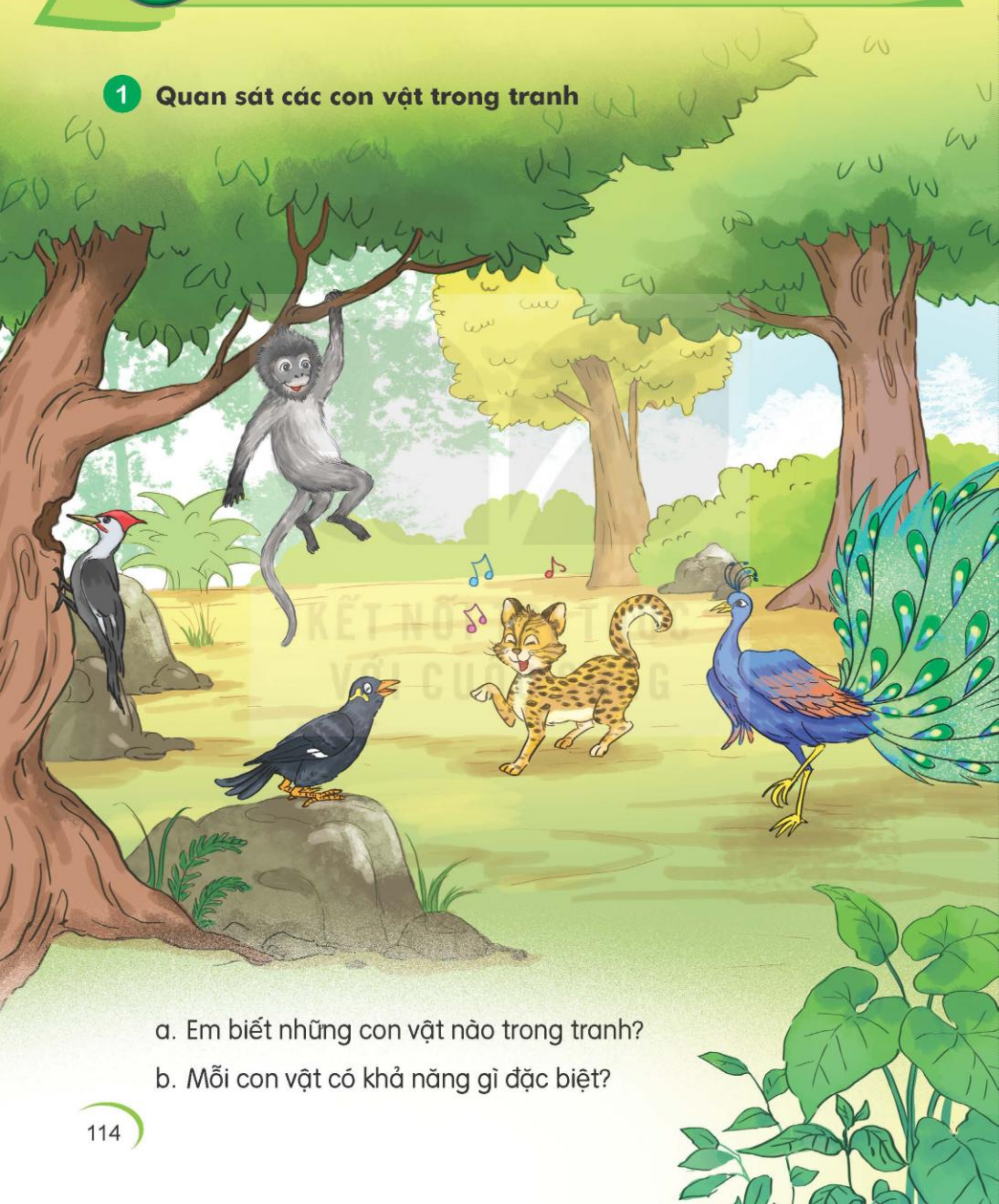


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

CUỘC THI TÀI NĂNG RỪNG XANH

1 Quan sát các con vật trong tranh



a. Em biết những con vật nào trong tranh?

b. Mỗi con vật có khả năng gì đặc biệt?

2 Đọc

Cuộc thi tài năng rừng xanh

Mừng xuân, các con vật trong rừng tổ chức một cuộc thi tài năng. Đúng như dự kiến, cuộc thi mở đầu bằng tiết mục chim yểng bắt chước tiếng của một số loài vật. Tiếp theo là ca khúc "ngoao ngoao" của mèo rừng. Gõ kiến chỉ trong nháy mắt đã khoét được cái tổ xinh xắn. Chim công khiến khán giả say mê, chuếnh choáng vì điệu múa tuyệt đẹp. Voọc xám với tiết mục đu cây điêu luyện làm tất cả trầm trồ thích thú.

Các con vật đều xứng đáng nhận phần thưởng.

(Lâm Anh)

- Vần: *yêng, oao, oet, uênh, ooc*
- Từ ngữ: *chuếnh choáng, trầm trồ, điêu luyện*

3 Trả lời câu hỏi

a. Cuộc thi có những con vật nào tham gia?

b. Mỗi con vật biểu diễn tiết mục gì?

c. Em thích nhất tiết mục nào trong cuộc thi?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3

- Cuộc thi có sự tham gia của (…).
- Em thích nhất tiết mục (…).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

say mê	trầm trồ	xứng đáng	thích thú	tổ chức

a. Tiết mục múa của lớp 1A (…) được trao giải.

b. Nhà trường (…) chương trình văn nghệ mừng xuân.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

cây cối	suối	muông thú	rừng



7 Nghe viết

Yểng bắt chước tiếng của một số loài vật. Gõ kiến chỉ trong nháy mắt đã khoét được cái tổ xinh xắn. Còn chim công có điệu múa tuyệt đẹp.





8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *yêng* hay *iêng*?	con ỉ	bay l ụ	t ́ gọi
b. *iêc* hay *iêt*?	t ́ nuối	t ́ mục	hiểu b ́
c. *et* hay *oet*?	r ́ mướt	loè l ụ	xoen x ́

9 Đặt tên cho bức tranh dưới đây

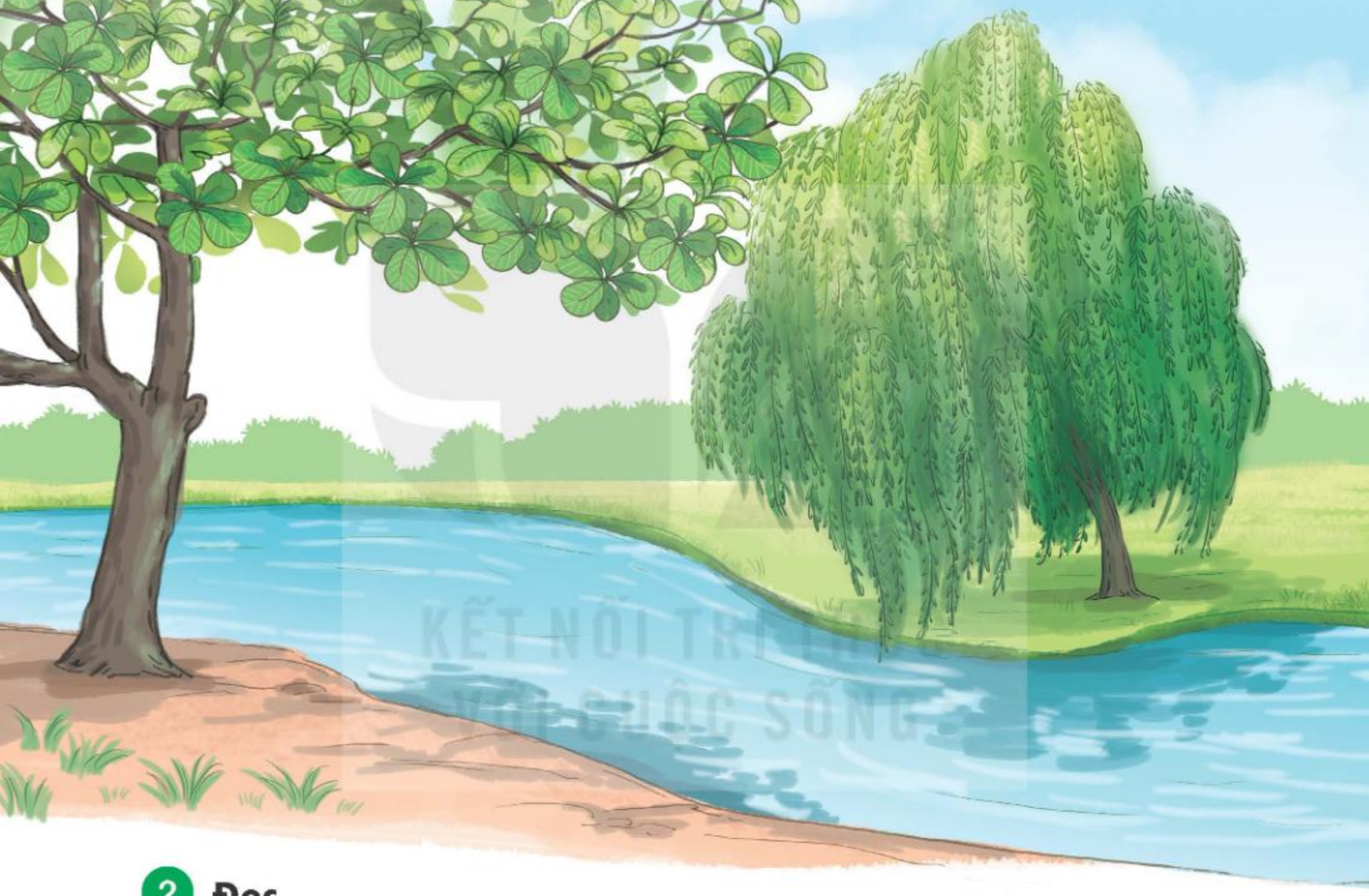


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5

CÂY LIỄU DẺO DAI

1 **Nói về điểm khác nhau giữa hai cây trong tranh**



2 **Đọc**

Cây liễu dẻo dai

Trời nổi gió to. Cây liễu không ngừng lắc lư. Thấy vậy, Nam rất lo cây liễu sẽ bị gãy. Nam hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, cây liễu mềm yếu thế, liệu có bị gió làm gãy không ạ?

Mẹ mỉm cười đáp:

– Con yên tâm, cây liễu sẽ không sao đâu!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mẹ giải thích thêm:

– Thân cây liễu tuy không to nhưng dẻo dai. Cành liễu mềm mại, có thể chuyển động theo chiều gió. Vì vậy, cây không dễ bị gãy. Liễu còn là loài cây dễ trồng. Chỉ cần cắm cành xuống đất, nó có thể nhanh chóng mọc lên cây non.

(Hải An)

Từ ngữ: *dẻo dai, lắc lư, mềm mại*

3 Trả lời câu hỏi

a. Thân cây liễu có đặc điểm gì?

b. Cành liễu có đặc điểm gì?

c. Vì sao nói liễu là loài cây dễ trồng?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3

- Thân cây liễu (…).
- Cành liễu (…).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

dẻo dai	mềm mại	lắc lư	xanh tốt	dễ gãy

a. Cành liễu rủ lá trông (…) như một mái tóc.

b. Tập thể dục hằng ngày giúp cho cơ thể (…).

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

học sinh	cây	xanh mát	nắng





7 Nghe viết

Thân cây liễu không to nhưng dẻo dai. Cành liễu mềm mại, có thể chuyển động theo chiều gió. Vì vậy, cây không dễ bị gãy.



8 Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa

a. *tr* hay *ch*? ồi non đũa e ồng trọt

b. *r* hay *d*? ễ cây ễ dàng mềm ẻo

9 Trò chơi *Đoán nhanh đoán đúng:* Đoán tên các loài cây



ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *ooc, yêng, oao, oet, uênh***

oet

yêng

ooc

oao

uênh

2 **Nhớ lại các bài đọc thuộc chủ điểm *Thiên nhiên kì thú*** *(Loài chim của biển cả, Bảy sắc cầu vồng, Chúa tể rừng xanh, Cuộc thi tài năng rừng xanh, Cây liễu dẻo dai)*, **cho biết:**

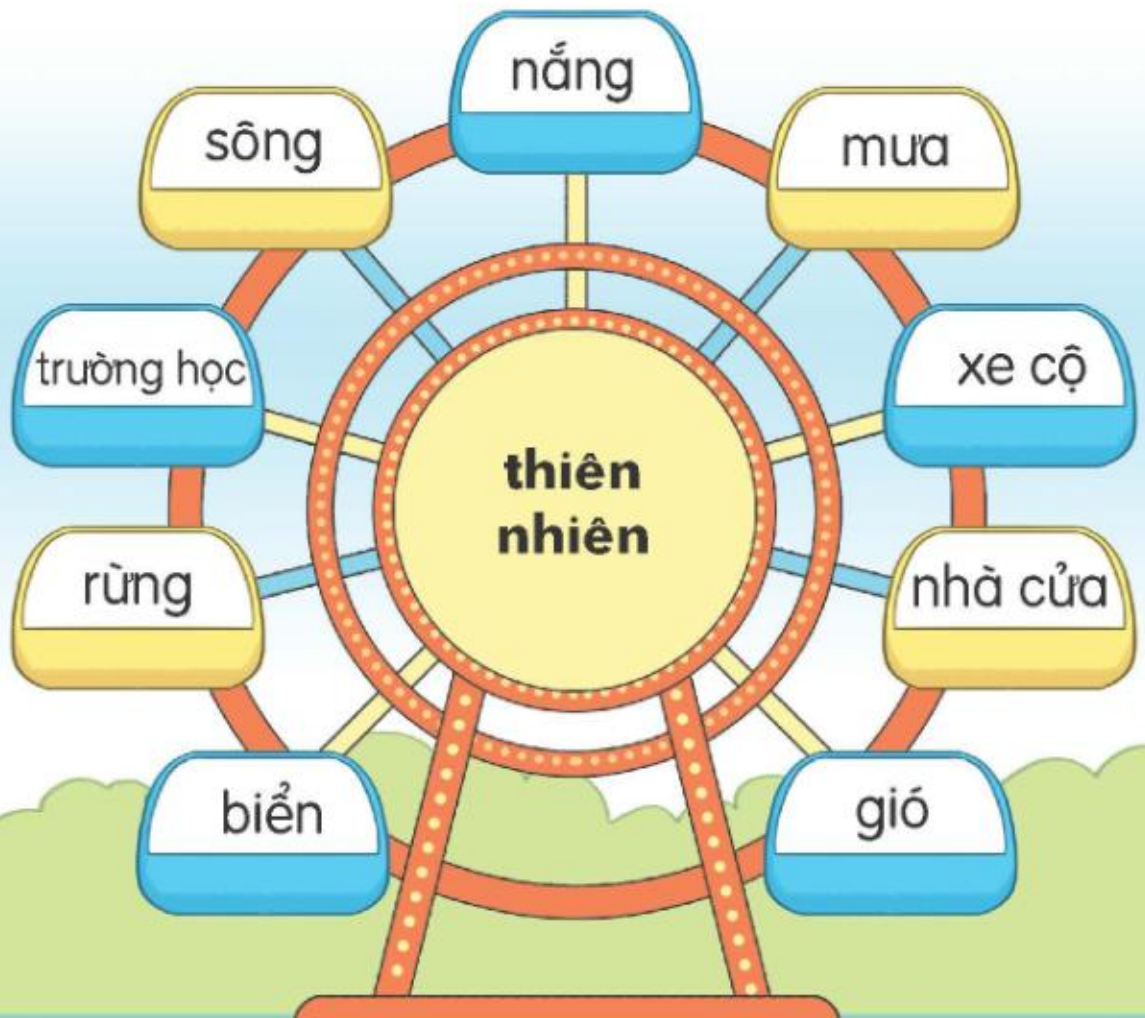
a. Bài đọc nào nói về con vật?

b. Bài đọc nào nói về cây cối?

c. Bài đọc nào không nói về con vật và cây cối?

d. Em thích bài đọc nào nhất? Vì sao?

3 **Chọn từ ngữ chỉ thiên nhiên**



4 Viết 1 – 2 câu về thiên nhiên

5 Đọc mở rộng

a. Tìm đọc một cuốn sách hoặc bài viết về thiên nhiên.

b. Nói với bạn về một số điều em đã đọc được.



7

THẾ GIỚI TRONG MẮT EM

Bài 1 TIA NẮNG ĐI ĐÂU?

1 **Quan sát tranh bạn nhỏ đón tia nắng buổi sáng**



a. Trong tranh, em thấy tia nắng ở đâu?

b. Em có thích tia nắng buổi sáng không? Vì sao?

2 **Đọc**

Tia nắng đi đâu?

(1) Buổi sáng thức dậy
Bé thấy buồn cười:
Có ai đang nhảy
Một bài vui vui.

(2) Đó là tia nắng
Nhảy trong lòng tay
Nhảy trên bàn học
Nhảy trên tán cây.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(3) Tối đến giờ ngủ
Sực nhớ bé tìm
Tìm tia nắng nhỏ:
Ngủ rồi. Lặng im...

(4) Bé nằm ngẫm nghĩ:
– Nắng ngủ ở đâu?
– Nắng ngủ nhà nắng!
Mai gặp lại nhau.

(Thuỵ Anh)

Từ ngữ: *sực nhớ, ngẫm nghĩ*

3 Tìm trong khổ thơ đầu những tiếng cùng vần với nhau



4 Trả lời câu hỏi

a. Buổi sáng thức dậy, bé thấy tia nắng ở đâu?

b. Theo bé, buổi tối, tia nắng đi đâu?

c. Theo em, nhà nắng ở đâu?

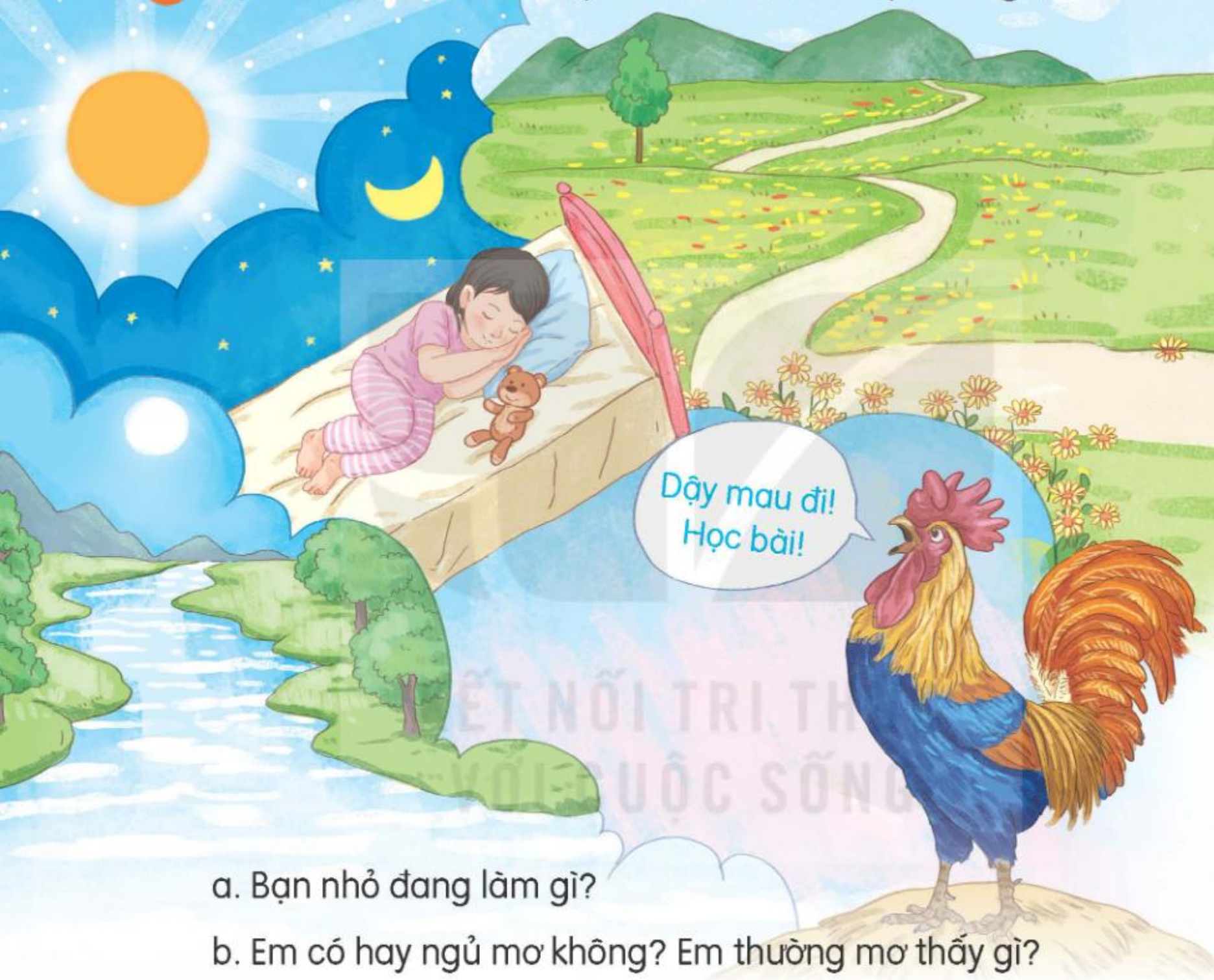
5 Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối

6 Vẽ bức tranh ông mặt trời và nói về bức tranh em vẽ



Bài 2 TRONG GIẤC MƠ BUỔI SÁNG

1 **Quan sát hình ảnh bạn nhỏ và cảnh vật trong tranh**



a. Bạn nhỏ đang làm gì?

b. Em có hay ngủ mơ không? Em thường mơ thấy gì?

2 **Đọc**

Trong giấc mơ buổi sáng

(1) Trong giấc mơ buổi sáng
Em gặp ông mặt trời
Mang túi đầy hoa nắng
Rải hoa vàng khắp nơi

(2) Trong giấc mơ buổi sáng
Em qua thảo nguyên xanh
Có rất nhiều hoa lạ
Mang tên bạn lớp mình

(3) Trong giấc mơ buổi sáng
Em thấy một dòng sông
Chảy tràn dòng sữa trắng
Đi qua ban mai hồng

(4) Trong giấc mơ buổi sáng
Em nghe rõ bên tai
Lời của chú gà trống:
– Dậy mau đi! Học bài!...

(Nguyễn Lãm Thắng)

Từ ngữ: *thảo nguyên, ban mai*

3 Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau



4 Trả lời câu hỏi

a. Trong giấc mơ, bạn nhỏ thấy ông mặt trời làm gì?

b. Bạn nhỏ thấy gì trên thảo nguyên?

c. Bạn nhỏ nghe thấy gì trong giấc mơ?

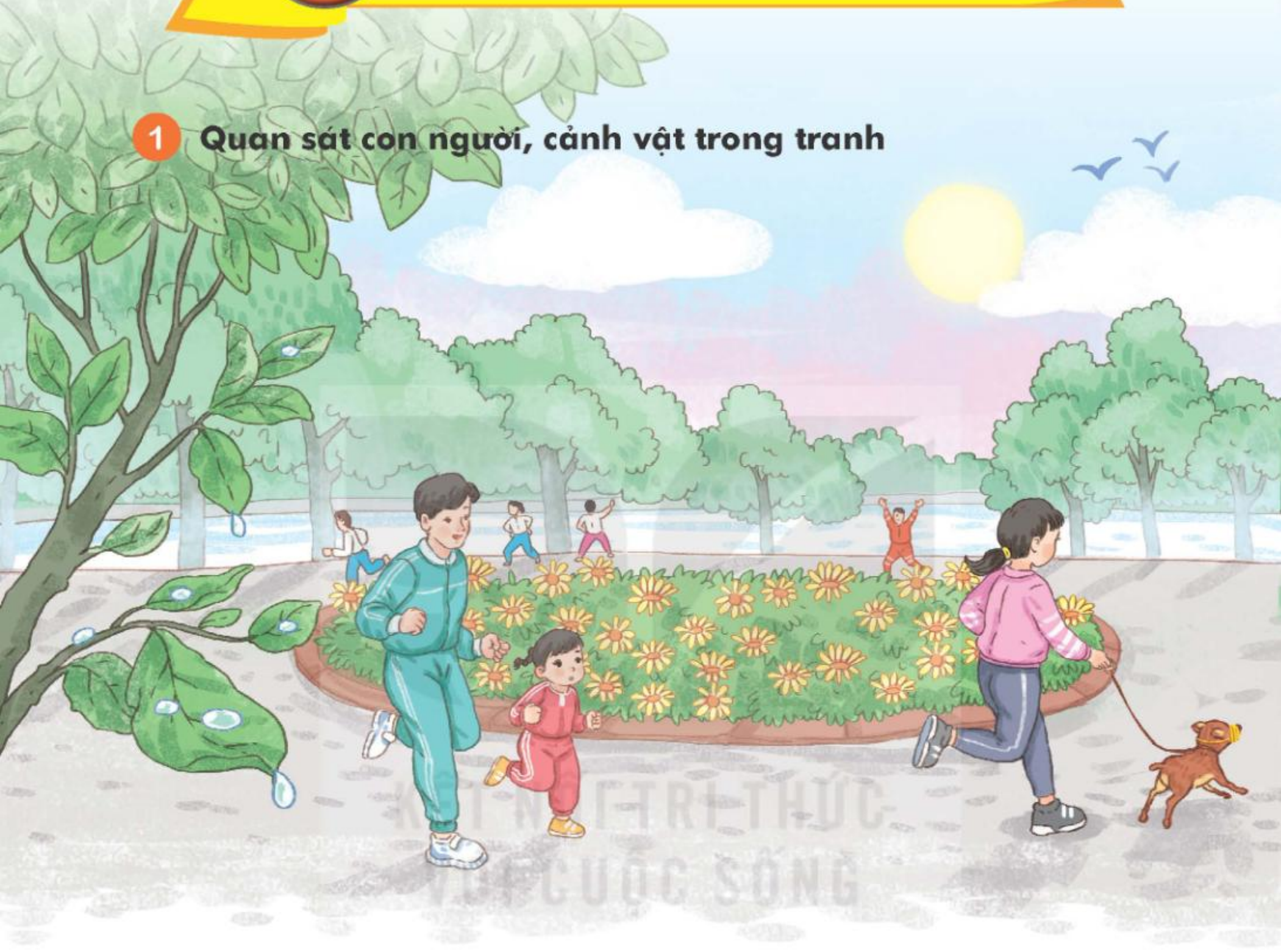
5 Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối

6 Nói về một giấc mơ của em



Bài 3

NGÀY MỚI BẮT ĐẦU



1 Quan sát con người, cảnh vật trong tranh

a. Em thấy những gì trong tranh?

b. Cảnh vật và con người trong tranh như thế nào?

2 Đọc

Ngày mới bắt đầu

Buổi sáng tinh mơ, mặt trời nhô lên đỏ rực. Những tia nắng toả khắp nơi, đánh thức mọi vật.

Nắng chiếu vào tổ chim. Chim bay ra khỏi tổ, cất tiếng hót. Nắng chiếu vào tổ ong. Ong bay ra khỏi tổ, đi kiếm mật. Nắng chiếu vào chuồng gà. Đàn gà lục tục ra khỏi chuồng, đi kiếm mồi. Nắng chiếu vào nhà, gọi bé đang nằm ngủ. Bé thức dậy, chuẩn bị đến trường.

Một ngày mới bắt đầu.

(*Theo* Thu Hương)

Từ ngữ: *tinh mơ, lục tục*





3 Trả lời câu hỏi

a. Buổi sáng, cái gì đánh thức mọi vật?

b. Sau khi thức giấc, các con vật làm gì?

c. Bé làm gì sau khi thức dậy?

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3**

- Buổi sáng, (…).
- Sau khi thức dậy, bé (…).

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

mặt trời	lục tục	hót	tia nắng	gáy

a. Những (…) buổi sáng mở đầu một ngày mới.

b. Mấy chú chim chích choè đang (…) vang trên cành cây.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

buổi sáng	bố	mẹ	em



7 Nghe viết

Nắng chiếu vào tổ chim. Chim bay ra khỏi tổ, cất tiếng hót. Nắng chiếu vào tổ ong. Ong bay đi kiếm mật. Nắng chiếu vào nhà, gọi bé thức dậy đến trường.



8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Ngày mới bắt đầu* từ ngữ có tiếng chứa vần *iêu, iu, uông, uôn*

9 Hát một bài và cùng nhau vận động theo nhịp điệu của bài hát



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

HỎI MẸ

1 **Quan sát tranh dưới đây**

a. Em nhìn thấy những gì trong tranh?

b. Hãy nói về một trong những điều em thấy.



2 **Đọc**

Hỏi mẹ

(1) Ai quạt thành gió
Thổi mây ngang trời?
Ai nhuộm mẹ ơi
Bầu trời xanh thế?

(2) Ông sao thì bé
Trăng rằm tròn to.
Cuội ngồi gốc đa
Phải chăn trâu mãi.

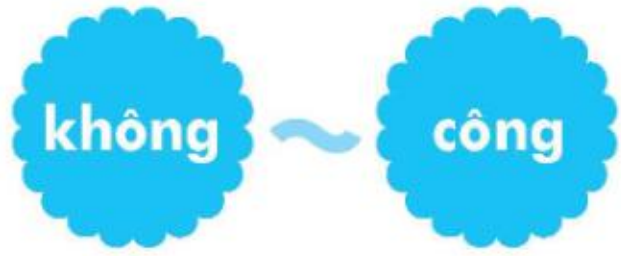
(3) Mẹ ơi có phải
Cuội buồn lắm không?
Nên chú phi công
Bay lên thăm Cuội?

(Nguyễn Xuân Bồi)

Từ ngữ: *nhuộm, trăng rằm, Cuội*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**



4 **Trả lời câu hỏi**

a. Bạn nhỏ có những thắc mắc gì?

b. Theo bạn nhỏ, vì sao chú phi công bay lên thăm Cuội?

c. Em muốn biết thêm điều gì về thiên nhiên?

5 **Học thuộc lòng bài thơ**

6 **Quan sát tranh và nói về một hiện tượng thiên nhiên mà em đã thấy**



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5

NHỮNG CÁNH CÒ



1 Quan sát hai bức tranh

a. Em thấy gì trong mỗi bức tranh?

b. Em thích khung cảnh ở bức tranh nào hơn? Vì sao?

2 Đọc

Những cánh cò

Ông kể ngày xưa, quê của bé có rất nhiều cò. Mùa xuân, từng đàn cò trắng duyên dáng bay tới. Chúng lượn trên bầu trời trong xanh rồi hạ cánh xuống những luỹ tre. Hằng ngày, cò đi mò tôm, bắt cá ở các ao, hồ, đầm.

Bây giờ, ao, hồ, đầm phải nhường chỗ cho những toà nhà cao vút, những con đường cao tốc, những nhà máy toả khói mịt mù. Cò chẳng còn nơi kiếm ăn. Cò sợ những âm thanh ồn ào. Thế là chúng bay đi.

Bé ước ao được thấy những cánh cò trên cánh đồng quê.

(*Theo* Hoài Nam)

Từ ngữ: *luỹ tre, cao vút, cao tốc, mịt mù*

3 Trả lời câu hỏi

a. Hằng ngày, cò đi mò tôm, bắt cá ở đâu?

b. Bây giờ ở quê của bé, những gì đã thay thế ao, hồ, đầm?

c. Điều gì khiến đàn cò sợ hãi?



4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3**

- Hằng ngày, cò đi mò tôm, bắt cá ở (…).
- (…) khiến đàn cò sợ hãi.

5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

đường cao tốc ao hồ trong xanh ngọn cây ồn ào

a. Đàn chim đậu trên những (…) cao vút.

b. Từng áng mây trắng nhẹ trôi trên bầu trời (…).

6 **Quan sát các bức tranh dưới đây và cho biết việc làm nào tốt và việc làm nào chưa tốt**









7 Nghe viết

Ao, hồ, đầm phải nhường chỗ cho nhà cao tầng, đường cao tốc và nhà máy. Cò chẳng còn nơi kiếm ăn. Thế là chúng bay đi.

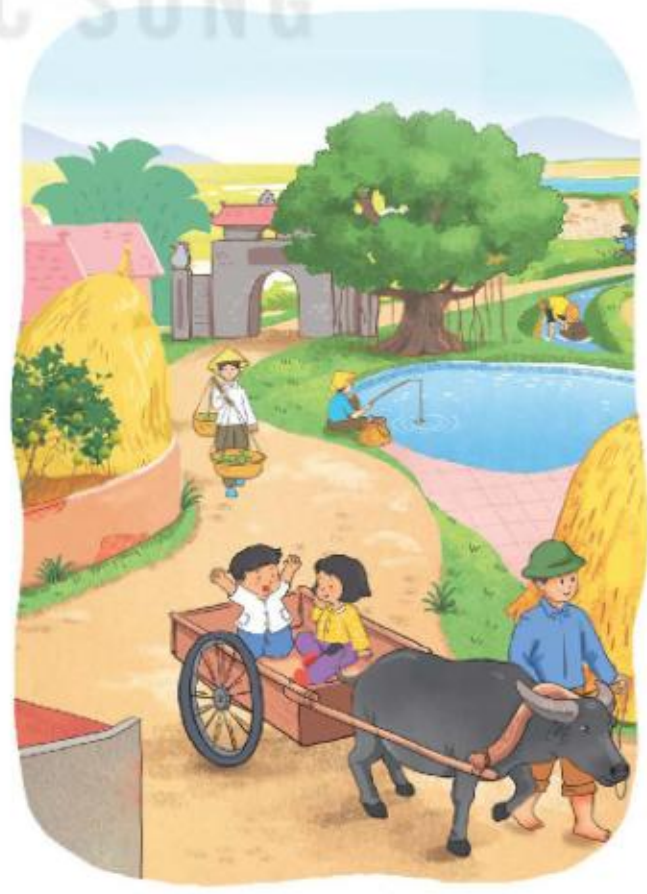


8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *ong* hay *ông* ?	cánh đ□	tr□ suốt	ước m□
b. *anh* hay *ênh* ?	c□ chim	con k□	âm th□

9 Em thích nông thôn hay thành phố? Vì sao?





Bài 6

BUỔI TRƯA HÈ

1 Quan sát tranh

a. Em thấy những gì trong tranh?

b. Cảnh vật và con người ở đây như thế nào?

2 Đọc

Buổi trưa hè

(Trích)

Buổi trưa lim dim
Nghìn con mắt lá
Bóng cũng nằm im
Trong vườn êm ả.

Bò ơi, bò nghỉ
Sau buổi cày mai
Có gì ngẫm nghĩ
Nhai mãi, nhai hoài...

Hoa đại thơm hơn
Giữa giờ trưa vắng
Con bướm chập chờn
Vờn đôi cánh nắng.

Bé chưa ngủ được
Bé nằm bé nghe
Âm thầm rạo rực
Cả buổi trưa hè.

(Huy Cận)

Từ ngữ: *chập chờn, rạo rực*

3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**

dim ~ im

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Những con vật nào được nói tới trong bài thơ?

b. Những từ ngữ nào trong bài thơ cho thấy buổi trưa hè rất yên tĩnh?

c. Em thích khổ thơ nào trong bài? Vì sao?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối**

6 **Nói về điều em thích ở mùa hè**

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 7

HOA PHƯỢNG

1 Quan sát tranh và cho biết

a. Tranh vẽ hoa gì?

b. Em biết gì về loài hoa này?

2 Đọc

Hoa phượng

Hôm qua còn lấm tấm
Chen lẫn màu lá xanh
Sáng nay bùng lửa thắm
Rừng rực cháy trên cành.

– Bà ơi! Sao mà nhanh!
Phượng nở nghìn mắt lửa,
Cả dãy phố nhà mình,
Một trời hoa phượng đỏ.

Hay đêm qua không ngủ
Chị gió quạt cho cây?
Hay mặt trời ủ lửa
Cho hoa bùng hôm nay?

(Lê Huy Hoà)

Từ ngữ: *lấm tấm, bùng, rừng rực cháy*

3 **Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng *xanh, lửa, cây***

xanh ~ lạnh

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Những câu thơ nào cho biết hoa phượng nở rất nhiều?

b. Trong bài thơ, cây phượng được trồng ở đâu?

c. Theo bạn nhỏ, chị gió và mặt trời đã làm gì giúp cây phượng nở hoa?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ đầu**

6 **Vẽ một loài hoa và nói về bức tranh em vẽ**

ÔN TẬP

1 **Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *uyên, uân, uôm, ươc, ươm***



2 **Xếp các từ ngữ sau vào nhóm phù hợp (nhìn thấy, nghe thấy, ngửi thấy)**



3 **Viết 1 – 2 câu về cảnh vật xung quanh em**





4 **Vẽ một bức tranh về cảnh vật xung quanh và đặt tên cho bức tranh em vẽ**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 **Đọc mở rộng**

a. Tìm đọc một bài thơ về thiên nhiên hoặc cuộc sống xung quanh.

b. Đọc cho bạn nghe và nói cảm nghĩ của em về bài thơ đó.



8

ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

Bài 1 CẬU BÉ THÔNG MINH

1 Quan sát tranh dưới đây



a. Chuyện gì xảy ra khi các bạn nhỏ đang chơi đá cầu?

b. Theo em, các bạn cần làm gì để lấy được quả cầu?

2 Đọc

Cậu bé thông minh

Một hôm, cậu bé Vinh đem một quả bưởi ra bãi cỏ làm bóng để cùng chơi với các bạn. Đang chơi, bỗng quả bóng lăn xuống một cái hố gần đó. Cái hố hẹp và rất sâu nên không thể với tay lấy quả bóng lên được. Bọn trẻ nhìn xuống cái hố đầy nuối tiếc.



Suy nghĩ một lát, cậu bé Vinh rủ bạn đi mượn mấy chiếc nón, rồi múc nước đổ đầy hố. Các bạn không hiểu Vinh làm thế để làm gì. Lát sau, thấy Vinh cúi xuống cầm quả bóng lên. Các bạn nhìn Vinh trầm trồ thán phục.

Cậu bé Vinh ngày ấy chính là Lương Thế Vinh. Về sau, ông trở thành nhà toán học xuất sắc của nước ta.

(*Theo* Vũ Ngọc Khánh)

Từ ngữ: *nuối tiếc, thán phục, nhà toán học, xuất sắc*

3 Trả lời câu hỏi

a. Cậu bé Vinh và các bạn chơi trò chơi gì?

b. Vinh làm thế nào để lấy được quả bóng ở dưới hố lên?

c. Vì sao các bạn nhìn Vinh trầm trồ thán phục?



4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3

- Cậu bé Vinh và các bạn chơi (…).
- Các bạn nhìn Vinh trầm trồ thán phục vì (…).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

thông minh xuất sắc thán phục nuối tiếc vui mừng

a. Chúng tôi rất (…) vì đội bóng mình yêu thích đã bị thua.

b. Hoa vẽ rất đẹp. Cả lớp ai cũng (…) bạn ấy.

6 Quan sát tranh và nói về các trò chơi trong tranh

đánh quay ô ăn quan





7 Nghe viết

Vinh đem quả bưởi làm bóng chơi với các bạn. Quả bóng lăn xuống hố. Vinh bèn tìm cách đổ đầy nước vào hố cho quả bóng nổi lên. Các bạn nhìn Vinh thán phục.

8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

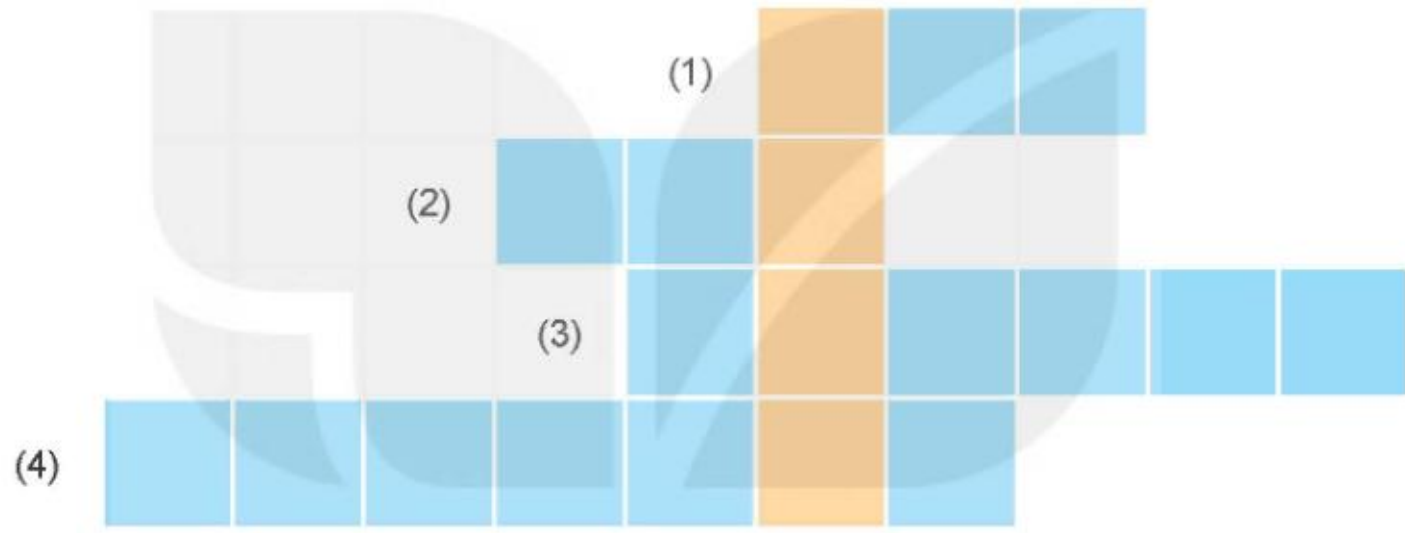
a. *inh* hay *uynh* ? thông m■ h■ huych bình t■

b. *oan* hay *oăn* ? băn kh■ hân h■ h■ thành

9 Giải ô chữ

a. Dựa vào gợi ý ở dưới, tìm ô chữ hàng ngang.

b. Đọc từ ngữ xuất hiện ở hàng dọc màu vàng.



(1) Con gì đuôi ngắn tai dài
Mắt hồng lông mượt, có tài chạy nhanh?

(2) Con gì tai thính mắt tinh
Nấp trong bóng tối ngồi rình chuột qua?

(3) Con gì cô Tấm quý yêu
Cơm vàng cơm bạc sớm chiều cho ăn?

(4) Quả gì không phải để ăn
Mà dùng để đá, để lăn, để chuyền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

LÍNH CỨU HOẢ

1 Quan sát tranh vẽ cảnh tượng ở một khu nhà cao tầng

a. Có chuyện gì đang xảy ra?

b. Chúng ta phải làm gì khi có hoả hoạn?



2 Đọc

Lính cứu hoả

Chuông báo cháy vang lên. Những người lính cứu hoả lập tức mặc quần áo chữa cháy, đi ủng, đeo găng, đội mũ rồi lao ra xe. Những chiếc xe cứu hoả màu đỏ chứa đầy nước, bật đèn báo hiệu, rú còi chạy như bay đến nơi có cháy. Tại đây, ngọn lửa mỗi lúc một lớn. Những người lính cứu hoả nhanh chóng dùng vòi phun nước dập tắt đám cháy. Họ dũng cảm quên mình cứu tính mạng và tài sản của người dân.



Cứu hoả là một công việc rất nguy hiểm. Nhưng những người lính cứu hoả luôn sẵn sàng có mặt ở mọi nơi có hoả hoạn.

(*Theo* Hồng Vân)

Từ ngữ: *cứu hoả, ủng, găng, hoả hoạn*

3 **Trả lời câu hỏi**

a. Trang phục của lính cứu hoả gồm những gì?

b. Lính cứu hoả dập tắt đám cháy bằng cách nào?

c. Em nghĩ gì về những người lính cứu hoả?

4 **Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b và c ở mục 3**

- Lính cứu hoả dùng (…).
- Em nghĩ những người lính cứu hoả (…).



5 **Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**

sẵn sàng	tính mạng	chuyên dụng
tài sản	đèn báo hiệu	

a. Giống như xe cứu hoả, xe cứu thương cũng có (…).

b. Chúng ta cần bảo vệ (…) của nhà trường.

6 **Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**

dũng cảm	lính cứu hoả	nhanh nhẹn	khoẻ mạnh



7 Nghe viết

Chuông báo cháy vang lên. Xe cứu hoả bật đèn báo hiệu, rú còi, chạy như bay đến nơi có cháy. Các chú lính cứu hoả dùng vòi phun nước dập tắt đám cháy.



8 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *oa* hay *uê* ? t□ nhà trí t□ kh□ cửa

b. *ưu* hay *iu* ? c□ giúp nặng tr□ l□ ý

9 Đặt tên cho hình dưới đây



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 3

LỚN LÊN BẠN LÀM GÌ?

1 **Quan sát các hình dưới đây**







Mỗi người trong hình làm nghề gì?

2 **Đọc**

Lớn lên bạn làm gì?

Lớn lên bạn làm gì?
Tớ muốn làm thuỷ thủ
Lái tàu vượt sóng dữ,
Băng qua nhiều đại dương.

Lớn lên bạn làm gì?
Tớ sẽ làm đầu bếp,
Làm bánh ngọt thật đẹp,
Nấu món mì… siêu ngon.

Lớn lên bạn làm gì?
À, tớ đi gieo hạt…
Mỗi khi vào mùa gặt
Lúa vàng reo trên đồng.

Lớn lên bạn làm gì?
Câu hỏi này… khó quá!
Để tớ làm bài đã…
Rồi ngày mai, nghĩ dần…

(Thái Dương)



Từ ngữ: *thuỷ thủ, sóng dữ, đầu bếp, gieo*



3 **Tìm trong khổ thơ thứ hai và thứ ba những tiếng có vần *at, ep, êp***

hạt

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Bạn nhỏ muốn trở thành thuỷ thủ để làm gì?

b. Bạn nhỏ muốn trở thành đầu bếp để làm gì?

c. Bạn nhỏ trong khổ thơ thứ ba muốn làm nghề gì?

5 **Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối**

6 **Trao đổi: Lớn lên em thích làm nghề gì? Vì sao?**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

RUỘNG BẬC THANG Ở SA PA

1 Quan sát tranh vẽ cảnh vùng cao

a. Hình ảnh nào trong tranh khiến em chú ý nhất?

b. Em có thích cảnh vật trong tranh không? Vì sao?



2 Đọc

Ruộng bậc thang ở Sa Pa

Đến Sa Pa vào mùa lúa chín, khách du lịch có dịp ngắm nhìn vẻ đẹp rực rỡ của những khu ruộng bậc thang. Nhìn xa, chúng giống như những bậc thang khổng lồ. Từng bậc, từng bậc như nối mặt đất với bầu trời. Một màu vàng trải dài bất tận. Đâu đâu cũng ngạt ngào hương lúa.

Những khu ruộng bậc thang ở Sa Pa đã có từ hàng trăm năm nay. Chúng được tạo nên bởi đôi bàn tay chăm chỉ, cần mẫn của những người Mông, Dao, Hà Nhì,... sống ở đây.

(Vũ Kim)

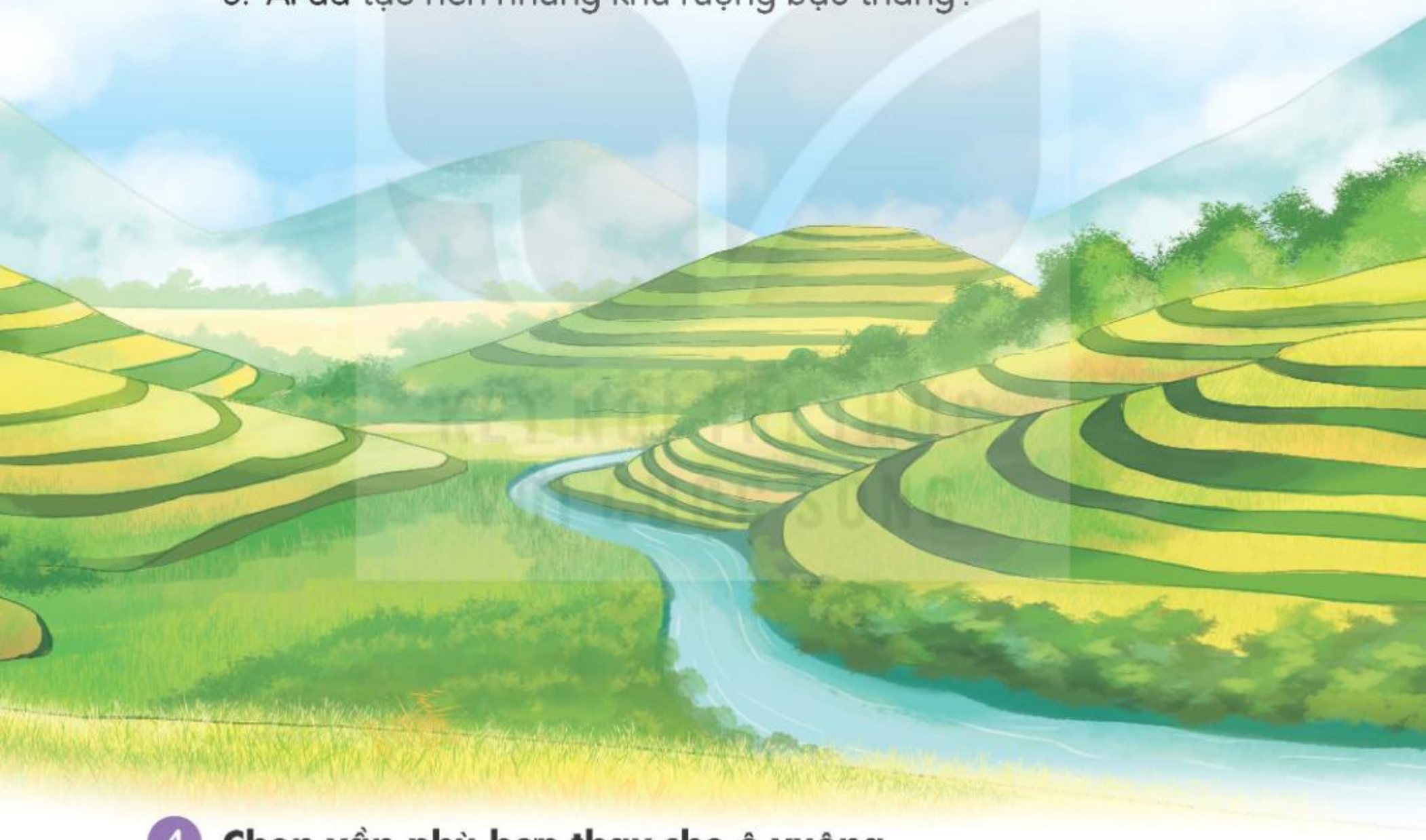
Từ ngữ: *ruộng bậc thang, khổng lồ, bất tận, ngạt ngào, cần mẫn*

3 Trả lời câu hỏi

a. Vào mùa lúa chín, Sa Pa có gì đặc biệt?

b. Ruộng bậc thang có từ bao giờ?

c. Ai đã tạo nên những khu ruộng bậc thang?



4 Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

a. *ich* hay *it*?

tờ l□ yêu th□́ tối m□̣

b. *ach* hay *êch*?

c□́ xa túi x□́ chênh ch□́

5 Hát một bài hát về quê hương

Bài 5

NHỚ ƠN

1 Quan sát tranh

a. Các bạn nhỏ đang làm gì?

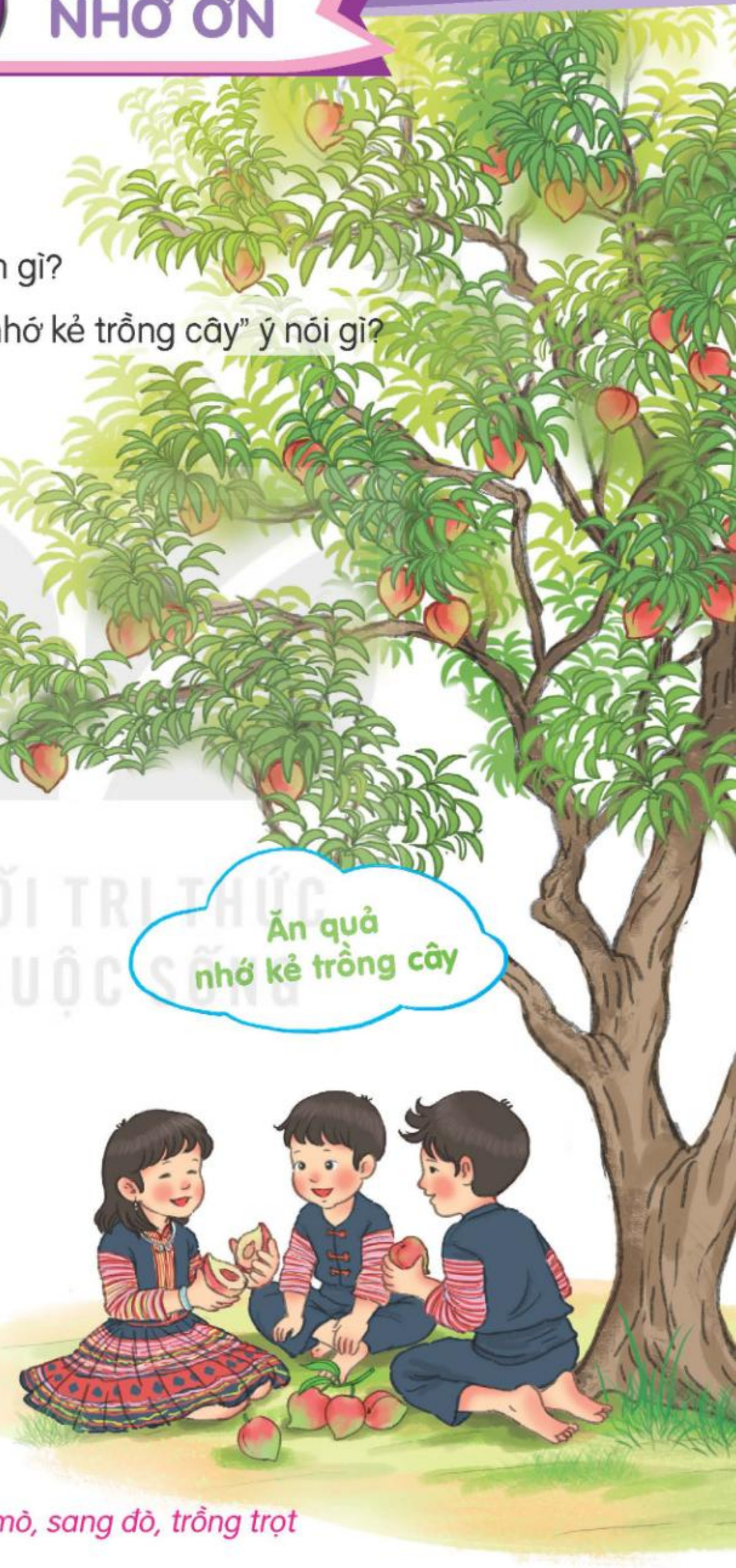
b. Em hiểu câu "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" ý nói gì?

2 Đọc

Nhớ ơn

Ăn một bát cơm,
Nhớ người cày ruộng.
Ăn đĩa rau muống,
Nhớ người đào ao.
Ăn một quả đào,
Nhớ người vun gốc.
Ăn một con ốc,
Nhớ người đi mò.
Sang đò,
Nhớ người chèo chống.
Nằm võng,
Nhớ người mắc dây.
Đứng mát gốc cây,
Nhớ người trồng trọt.

(*Đồng dao*)



Từ ngữ: *cày ruộng, vun gốc, mò, sang đò, trồng trọt*

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



3 **Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**

ruộng ~ muống

4 **Trả lời câu hỏi**

a. Bài đồng dao nhắc chúng ta cần nhớ ơn những ai?

b. Vì sao chúng ta cần nhớ ơn họ?

c. Còn em, em nhớ ơn những ai? Vì sao?

5 **Học thuộc lòng bài đồng dao**

6 **Nói việc em cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với người thân hoặc thầy cô**

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



Bài 6

DU LỊCH BIỂN VIỆT NAM

1 **Quan sát tranh và cho biết em thấy những gì trong tranh**



2 **Đọc**

Du lịch biển Việt Nam

Biển nước ta nơi đâu cũng đẹp. Thanh Hoá, Đà Nẵng, Khánh Hoà,... có những bãi biển nổi tiếng, được du khách yêu thích. Nhưng suốt chiều dài đất nước cũng có nhiều bãi biển còn hoang sơ.

Đi biển, bạn sẽ được thoả sức bơi lội, nô đùa trên sóng, nhặt vỏ sò, xây lâu đài cát. Nếu đến Mũi Né, bạn sẽ được ngắm nhìn những đồi cát mênh mông. Cát bay làm cho hình dạng các đồi cát luôn thay đổi. Trượt cát ở đây rất thú vị.

Biển là món quà kì diệu mà thiên nhiên đã ban tặng cho nước ta.

(Cẩm Anh)

Từ ngữ: *hoang sơ, kì diệu*

3 Trả lời câu hỏi

a. Trong bài đọc, những bãi biển nổi tiếng của nước ta có ở đâu?

b. Chúng ta có thể làm gì khi đi biển?

c. Vì sao hình dạng của những đồi cát luôn thay đổi?





4 Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b và c ở mục 3

- Đi biển, chúng ta có thể (…).
- Hình dạng những đồi cát luôn thay đổi vì (…).

5 Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

nổi tiếng	thay đổi	mênh mông
đồi cát	chiều dài	

a. Dọc bờ biển nước ta có nhiều khu du lịch đẹp (…).

b. Miền Nam nước ta có những cánh đồng lúa rộng (…).

6 Quan sát tranh và nói về những điều em thích khi đi biển



bơi lội



xây lâu đài cát



nhặt vỏ sò, vỏ ốc



trượt cát

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

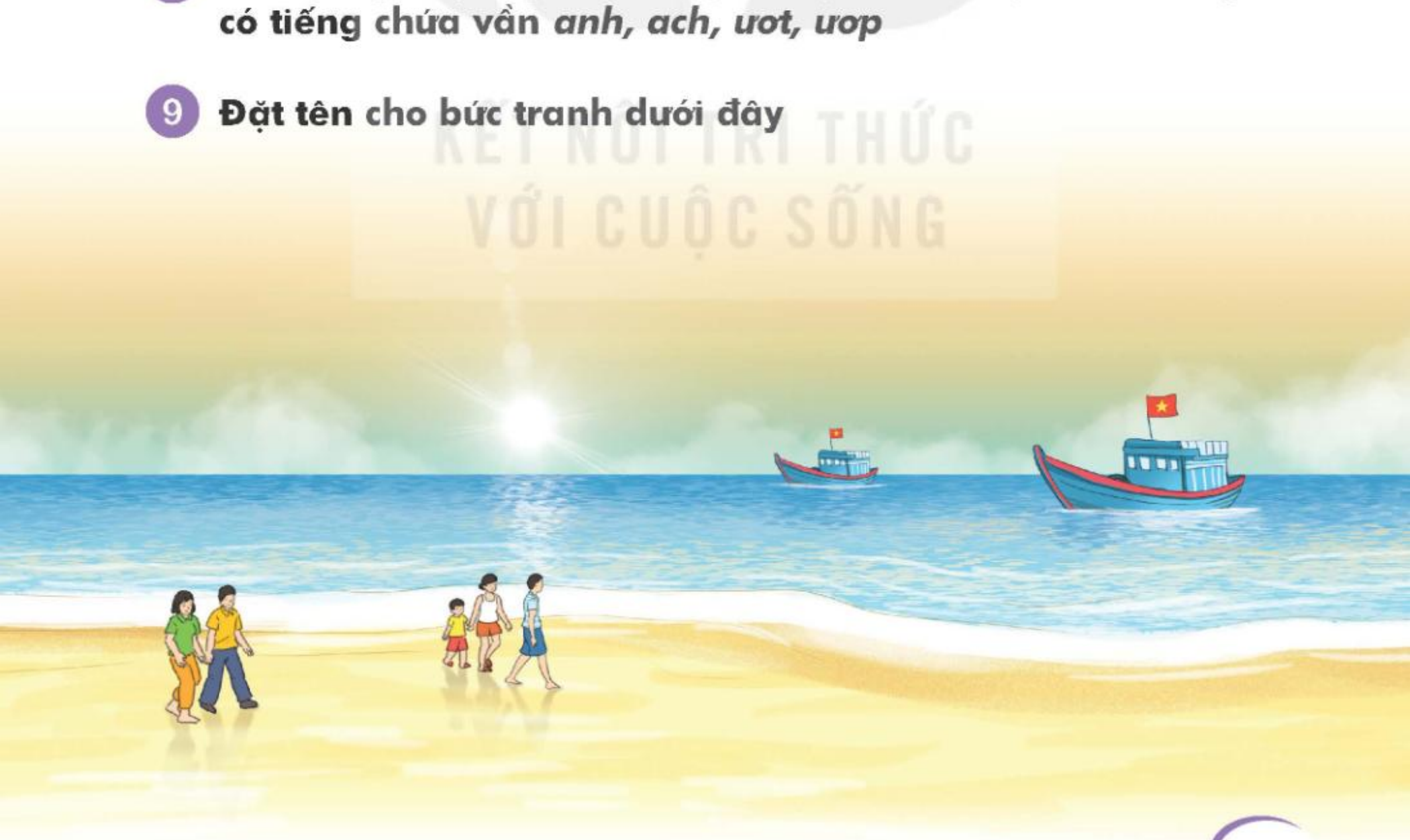
7 Nghe viết

Đi biển, bạn sẽ thoả sức bơi lội, nô đùa trên sóng hoặc nhặt vỏ sò, xây lâu đài cát. Biển là món quà kì diệu mà thiên nhiên ban tặng cho chúng ta.



8 Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Du lịch biển Việt Nam* từ ngữ có tiếng chứa vần *anh, ach, ươt, ươp*

9 Đặt tên cho bức tranh dưới đây



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ÔN TẬP

1 Đọc

Việt Nam quê hương ta

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.

(Nguyễn Đình Thi)

2 Trả lời câu hỏi

a. Trong đoạn thơ trên, những từ ngữ nào là tên riêng?

b. Em còn biết những tên riêng nào trong các bài đọc đã học?

c. Điều gì cần nhớ khi viết tên riêng?

3 Nói về quê em hoặc nơi em đang sống







4 Viết 1 – 2 câu đã nói ở mục 3

5 Hãy viết lại đúng chính tả những câu sau

a. nam và hà là học sinh lớp 1

b. những người lính cứu hoả rất dũng cảm

6 Đọc mở rộng

a. Tìm đọc một cuốn sách hoặc một tập thơ về đất nước và con người Việt Nam.

b. Nói với bạn điều em biết thêm từ cuốn sách hoặc tập thơ đó.







KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ

ÔN TẬP

BÀI 1

1 **Chọn tranh phù hợp với từng chủ điểm đã học và cho biết lí do em chọn**

(1)



(2)



(3)

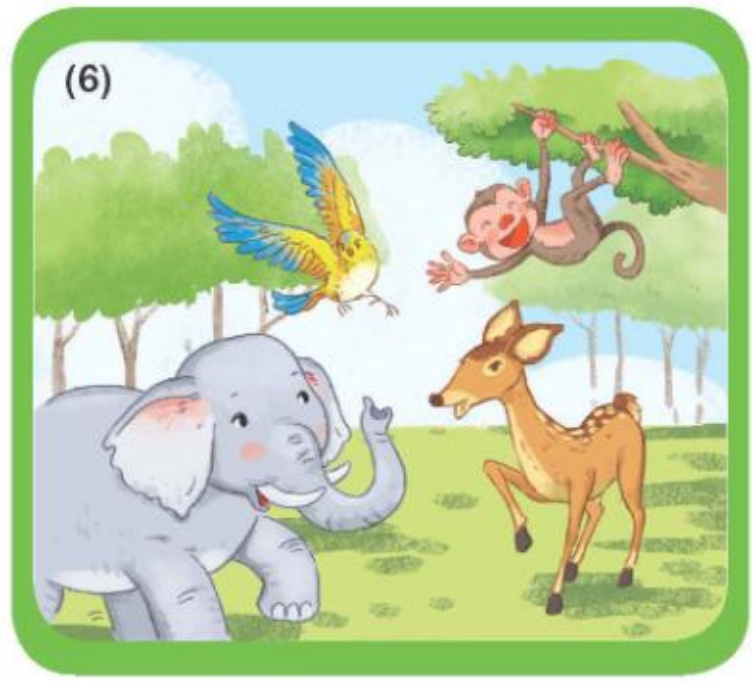


(4)



VỚI CUỘC SỐNG











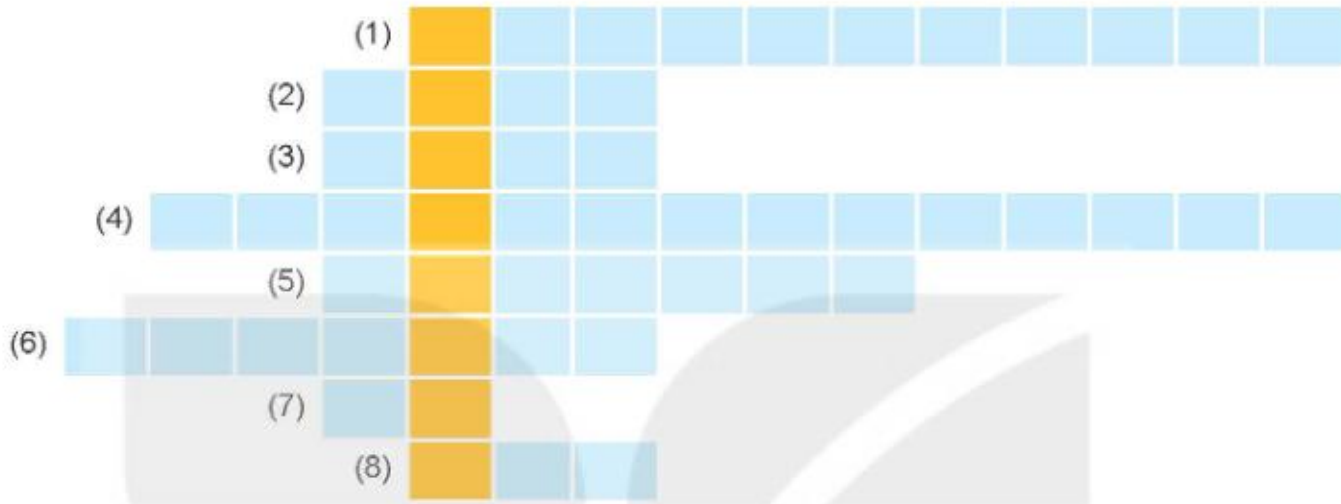


KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

2 Giải ô chữ

a. Dựa vào các bài đã học (*Bác trống trường, Cuộc thi tài năng rừng xanh, Du lịch biển Việt Nam, Bữa cơm gia đình, Tia nắng đi đâu?, Lời chào đi trước, Đi học, Nhớ ơn*) và gợi ý ở dưới, tìm ô chữ hàng ngang.

b. Đọc câu xuất hiện ở hàng dọc màu vàng.



(1) Nghỉ hè trường lớp vắng teo
Nhớ bạn đành ngủ chẳng theo được về.
Khai trường thì lại vui ghê
Mới bừng tỉnh dậy theo nghề như xưa.
Tiếng vang như sấm sớm trưa
Nhắc khi học tập nắng mưa chuyên cần.
(*Là cái gì?*)

(2) Con gì đẹp nhất loài chim
Đuôi xoè rực rỡ như nghìn cánh hoa?

(3) Nơi nào bạn có thể thoả sức bơi lội, xây lâu đài cát?

(4) Ngày 28 tháng 6 hằng năm là ngày gì?

(5) Cái gì chiếu sáng nhẹ nhàng
Xuyên qua kẽ lá chẳng làm lá rung?

(6) Ai ai cũng có
Chẳng nặng là bao
Bạn ơi đi đâu
Nhớ mang đi nhé.
(*Là gì?*)

(7) Lá gì xoè ô che nắng
Râm mát đường trên đồi vắng em đi?

(8) Ăn quả nhớ kẻ trồng (...).

3 **Nói tên các tháng trong năm. Dùng từ ngữ phù hợp để hoàn thiện câu.**

Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
			
Tôi được bố mẹ cho (…).	Cây lá (…).	Ong đi tìm (…).	Chim (…) líu lo.
Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
			
Cuối tháng, tôi được (…) hè.	Tôi được đi (…).	Chiếc ô là (…) của tôi.	Tôi chuẩn bị vào (…) mới.
Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
			
Tôi đi (…).	Thời tiết không nóng và không (…).	Mẹ mua cho tôi chiếc (…) mới.	Đôi khi, tay tôi bị (…) cóng.

BÀI 2

1 Chọn từ ngữ trong khung thay cho ô vuông

trường	cảm ơn	năm học	xin lỗi	trôi qua
năm ngoái	giúp đỡ	lắng nghe	trả lời	thân thiện

Cảm ơn

Một tuần nữa là 1 kết thúc. Thời gian 2 thật nhanh. Tôi nhớ lại những chuyện đã qua. Từ tháng Chín 3 đến nay, tôi đã tiến bộ không ngừng nhờ sự 4 của nhiều người. Tôi muốn cảm ơn tất cả.

Tôi muốn 5 cô giáo. Nhờ sự tận tâm dạy dỗ của cô, tôi đã hiểu được nhiều điều thú vị. Tôi muốn cảm ơn các bạn. Các bạn đã cùng tôi học nhóm. Các bạn cũng giúp tôi học được cách cư xử 6 với mọi người. Đặc biệt, tôi muốn cảm ơn bố mẹ tôi. Bố mẹ đã dành cho tôi tình yêu thương và luôn chăm chú 7 những câu chuyện ở trường của tôi.

Năm học vừa qua quả là tuyệt vời đối với tôi.

(*Theo* A-mi-xi)

2 Đọc thành tiếng bài đọc đã hoàn chỉnh

3 Trả lời câu hỏi

a. Bạn nhỏ muốn cảm ơn những ai?

b. Nhờ đâu mà bạn nhỏ đã tiến bộ không ngừng trong năm học qua?

c. Còn em, sau một năm học, em muốn cảm ơn những ai? Vì sao?

4 Nghe viết

Thời gian trôi thật nhanh. Tôi nhớ lại những chuyện đã qua. Từ đầu năm đến nay, nhờ sự giúp đỡ của nhiều người, tôi tiến bộ không ngừng. Tôi muốn cảm ơn tất cả.

5 Đọc mở rộng

a. Tìm đọc một tập truyện.

b. Nói với bạn về một câu chuyện trong tập truyện đó.



BÀI 3

1 Đọc

Gửi lời chào lớp Một

Lớp Một ơi! Lớp Một!
Đón em vào năm trước,
Nay giờ phút chia tay,
Gửi lời chào tiến bước!

Chào bảng đen, cửa sổ,
Chào chỗ ngồi thân quen.
Tất cả! Chào ở lại
Đón các bạn nhỏ lên.

Chào cô giáo kính mến,
Cô sẽ xa chúng em...
Làm theo lời cô dạy,
Cô sẽ luôn ở bên.

Lớp Một ơi! Lớp Một!
Đón em vào năm trước,
Nay giờ phút chia tay,
Gửi lời chào tiến bước!



(Hữu Tưởng, phỏng theo *Ma-rút-xi-a đi học,* bản dịch của Khánh Như)



2 **Trả lời câu hỏi**

a. Lời chào trong bài thơ là của ai?

b. Lời chào gửi đến ai và đến những đồ vật nào ở lớp?

c. Theo em, muốn được cô giáo "luôn ở bên", bạn nhỏ cần làm gì?

d. Em thích khổ thơ nào nhất? Vì sao?

3 **Học thuộc lòng bài thơ**

4 **Nói cảm nghĩ của em về cô giáo/ thầy giáo và các bạn trong năm học vừa qua**



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC

(Đề tham khảo)

1 Đọc thành tiếng

Mùa thu ở vùng cao

Đã sang tháng Tám. Mùa thu về, vùng cao không mưa nữa. Trời xanh trong. Những dãy núi dài, xanh biếc. Nước chảy róc rách trong khe núi. Đàn bò đi ra đồi, con vàng, con đen. Đàn dê chạy lên, chạy xuống. Nương ngô vàng mượt. Nương lúa vàng óng. Người vùng cao đang cuốc đất, chuẩn bị trồng đậu tương thu.

(*Theo* Tô Hoài)

2 Đọc và trả lời câu hỏi

Sư tử và chuột nhắt

Một con sư tử ngủ say trong rừng. Chuột nhắt chạy qua, không may đụng phải làm sư tử tỉnh giấc. Sư tử giận dữ, giơ chân chộp lấy chuột nhắt. Chuột van lạy:

– Xin ông tha cho tôi. Tôi bé nhỏ thế này, ông ăn chẳng bõ dính răng.

Sư tử ngẫm nghĩ một lát rồi thả chuột ra. Được tha, chuột nói:

– Cảm ơn ông! Có ngày tôi sẽ trả ơn ông.

Nghe vậy, sư tử bật cười:

– Chuột mà cũng đòi giúp được sư tử sao?

Ít lâu sau, sư tử bị sa lưới. Nó vùng vẫy hết sức, nhưng không sao thoát được, đành nằm chờ chết. May sao, chuột đi qua trông thấy. Nó chạy về gọi cả nhà ra cắn đứt hết lưới. Nhờ thế, sư tử thoát nạn.

(Theo *Ngụ ngôn Ê-dốp*)

? Trả lời câu hỏi

a. Vì sao sư tử giận dữ với chuột nhắt?

b. Khi bị sa lưới, sư tử đã làm gì?

c. Chuột nhắt cứu sư tử bằng cách nào?

3 Viết 1 – 2 câu về nhân vật chuột nhắt trong câu chuyện trên

4 Điền *l* hoặc *n*, *ai* hoặc *ay* vào chỗ trống

Trưa mùa hè, ……ắng vàng như mật ong tr…… nhẹ trên khắp các đồng cỏ. Những con sơn ca nh…… nhót trên sườn đồi. Chúng b…… lên cao và cất tiếng hót. Tiếng hót ……úc trầm, ……úc bổng lảnh ……ót vang m…… đi xa.

(*Theo* Phượng Vũ)

5 Nghe đọc truyện và trả lời câu hỏi

Mưu chú sẻ

Mèo ta chộp được một chú sẻ. Sẻ hoảng lắm, nhưng nó nén sợ, tỏ ra vui vẻ và lễ phép nói:

– Thưa anh, tại sao một người sạch sẽ như anh trước khi ăn sáng lại không rửa mặt?

Nghe vậy, mèo bèn đặt sẻ xuống, đưa hai chân lên vuốt râu, xoa mép. Thế là sẻ vụt bay đi. Mèo rất tức giận nhưng đã muộn mất rồi.

(Theo *Tiếng Việt 1, tập hai,* 2016)

? Chọn câu trả lời đúng

a. Câu chuyện trên có mấy nhân vật?

A. một B. hai C. ba

b. Khi bị mèo chộp, sẻ cảm thấy thế nào?

A. tức giận B. vui vẻ C. hoảng sợ

6 Nghe viết

Ngủ ngoan

Hoa cau đã nở
Hương giăng khắp vườn
Vang ngân tiếng dế
Cỏ mềm ngậm sương
Mắt ơi ngủ nhé
Tay ơi lặng yên
Chân ơi ngủ nhé
Dưới trăng dịu hiền.

(Ngọc Minh)

Các em yêu quý!

*Sách **Tiếng Việt 1** đã cùng các em đến trường trong suốt một năm học qua. Hi vọng các em đã học được nhiều điều lí thú, bổ ích từ cuốn sách này và yêu hơn tiếng Việt của chúng ta.*

*Cảm ơn các em đã học tập chăm chỉ và giữ gìn cẩn thận **Tiếng Việt 1**. Hãy tặng sách cho các em lớp sau. Hẹn gặp các em ở Tiếng Việt 2 nhé!*

Các tác giả

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Trang
C	
câu	6
câu chuyện	10
câu hỏi	5
câu thơ	41
chữ cái	4
D	
dòng thơ	49
Đ	
đoạn thơ	162
đồng dao	156
K	
khổ thơ	13
N	
nhân vật	102
T	
truyện	102
từ ngữ	4
V	
vần	8

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: THÁI THANH VÂN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ
Minh hoạ: BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN THỊ HUẾ – NGUYỄN THẾ PHI
NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DỰNG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Phần *Kể chuyện* trong cuốn sách này sử dụng các truyện đã học ở phần *Tập đọc* (của tác giả Lâm Anh và các tập truyện: *Kể chuyện cho bé mầm non*, *Truyện cổ Grim*, *Ngụ ngôn Ê-dốp*).
Trân trọng cảm ơn các tác giả.

Bản quyền © (2020) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 1 - TẬP HAI
Mã số: G1HH1V002h26

In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/9-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-19569-2
Tập hai: 978-604-0-19570-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH























BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 1, tập một
2. Tiếng Việt 1, tập hai
3. Toán 1, tập một
4. Toán 1, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 1
6. Đạo đức 1
7. Âm nhạc 1
8. Mĩ thuật 1
9. Hoạt động trải nghiệm 1
10. Giáo dục thể chất 1
11. Tiếng Anh 1 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-19570-8

9 786040 195708

Giá: 22.500 đ